

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 312 /QĐ-UBND

Bến Tre, ngày 05 tháng 02 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố danh mục 10 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; 06 thủ tục hành chính được thay thế và 03 thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực đường bộ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải tỉnh Bến Tre

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05 tháng 4 năm 2023 của Văn phòng Chính phủ quy định một số nội dung và biện pháp thi hành trong số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

Căn cứ Quyết định số 1743/QĐ-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Bộ Giao thông vận tải về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 160/TTr-SGTVT ngày 17 tháng 01 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục 10 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; 06 thủ tục hành chính được thay thế và 03 thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực đường bộ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải tỉnh Bến Tre (Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

1. Bãi bỏ 22 thủ tục hành chính lĩnh vực đường bộ (số 1, 2, 3, 4, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20, 21, 22, 23, 24, 25, 26, 27, 28, 29, 30) thuộc danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung ban hành kèm theo Quyết định số 1270/QĐ-

UBND ngày 07 tháng 6 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố danh mục 32 thủ tục hành chính (02 thủ tục hành chính ban hành mới và 30 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung) trong lĩnh vực đường bộ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải tỉnh Bến Tre.

2. Bãi bỏ Quyết định số 669/QĐ-UBND ngày 24 tháng 3 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố danh mục 01 thủ tục hành chính được sửa đổi; 05 thủ tục hành chính thay thế, 02 thủ tục hành chính bãi bỏ trong lĩnh vực đường bộ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải.

3. Bãi bỏ Quyết định số 565/QĐ-UBND ngày 17 tháng 3 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố danh mục 09 thủ tục hành chính ban hành mới, 11 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và 01 thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực đường bộ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải tỉnh Bến Tre.

Điều 3. Giao Sở Giao thông vận tải tham mưu xây dựng dự thảo Quyết định phê duyệt 16 quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính được công bố tại Điều 1 Quyết định này, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Giao thông vận tải và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Giao thông vận tải;
- Cục Kiểm soát TTHC - VPCP;
- Chủ tịch, các PCT.UBND tỉnh;
- Chánh, các PCVP.UBND tỉnh;
- Phòng: KSTTHC, KT, TTPVHCC;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, PVN.



Trần Ngọc Tam



Phụ lục I
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN
GIẢI QUYẾT CỦA SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI TỈNH BẾN TRE
(Kèm theo Quyết định số 312 /QĐ-UBND ngày 05 tháng 02 năm 2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre)

1. Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung
1	1.000703	Cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, bằng xe bốn bánh có gắn động cơ	<i>Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ</i>
2	2.002286	Cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, bằng xe bốn bánh có gắn động cơ khi có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép kinh doanh hoặc Giấy phép kinh doanh bị thu hồi	
3	2.002287	Cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, bằng xe bốn bánh có gắn động cơ trường hợp Giấy phép kinh doanh bị mất, bị hỏng	
4	2.002285	Đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định	
5	1.010707	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của các nước thực hiện các Hiệp định khung ASEAN về vận tải đường bộ qua biên giới	
6	1.002046	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của các nước thực hiện Hiệp định GMS	
7	1.002286	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào, Campuchia	
8	1.001737	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Trung Quốc	
9	1.002063	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào	
10	1.001577	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Campuchia	

2. Danh mục thủ tục hành chính được thay thế

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính bị thay thế	Tên thủ tục hành chính thay thế	Tên VBQPPL quy định nội dung thay thế
Lĩnh vực: Đường bộ				
1	1.002877	Cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia	Cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia (1.002877)	<i>Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ</i>
2	1.002869	Cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia		
3	1.001023	Cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia	Cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia (1.001023)	
4	1.010711	Cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia		
5	2.002288	Cấp phù hiệu xe ô tô kinh doanh vận tải (kinh doanh vận tải hành khách: bằng xe ô tô theo tuyến cố định, xe trung chuyển, bằng xe buýt theo tuyến cố định, bằng xe taxi, xe hợp đồng; kinh doanh vận tải hàng hóa: bằng xe công-ten-nơ, xe ô tô đầu kéo kéo rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc, xe ô tô tải kinh doanh vận tải hàng hóa thông thường và xe taxi tải)	Cấp, cấp lại Phù hiệu cho xe ô tô, xe bốn bánh có gắn động cơ kinh doanh vận tải (2.002288)	
6	2.002289	Cấp lại phù hiệu xe ô tô kinh doanh vận tải (kinh doanh vận tải hành khách: bằng xe ô tô theo tuyến cố định, xe trung chuyển, bằng xe buýt theo tuyến cố định, bằng xe taxi, xe hợp đồng; kinh doanh vận tải hàng hóa: bằng xe công-ten-nơ, xe ô tô đầu kéo kéo rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc, xe ô tô tải kinh doanh vận tải hàng hóa thông thường và xe taxi tải)		

7	1.002268	Đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia	Đăng ký khai thác tuyến, bổ sung hoặc thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia (1.002268)	<i>Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ</i>
8	1.010709	Ngừng khai thác tuyến, ngừng phương tiện hoạt động trên tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia		
9	1.002861	Cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào	Cấp, cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào (1.002861)	
10	1.002859	Cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào		
11	1.002856	Cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào	Cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào (1.002856)	
12	1.002852	Cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào		

3. Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính
Lĩnh vực: Đường bộ			
1	1.010709	Ngừng khai thác tuyến, ngừng phương tiện hoạt động trên tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia	<i>Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ</i>
2	1.010710	Điều chỉnh tần suất chạy xe trên tuyến Việt Nam, Lào và Campuchia	
3	1.010708	Bổ sung, thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia	

Phụ lục II
NỘI DUNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN
GIẢI QUYẾT CỦA SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI TỈNH BẾN TRE
(Kèm theo Quyết định số 312/QĐ-UBND ngày 05 tháng 02 năm 2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre)

I. NỘI DUNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
LĨNH VỰC ĐƯỜNG BỘ

1. Thủ tục: Cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, bằng xe bốn bánh có gắn động cơ (Mã số: 1.000703 - Dịch vụ công trực tuyến toàn trình)

1.1 Trình tự thực hiện

Bước 1. Nộp hồ sơ TTHC:

Đơn vị kinh doanh vận tải nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (địa chỉ: Số 126A, Nguyễn Thị Định, phường Phú Tân, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre) hoặc qua đường bưu điện. Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Từ thứ Hai đến thứ Sáu hàng tuần vào giờ hành chính (sáng 07 giờ đến 11 giờ, chiều 13 giờ đến 17 giờ) (trừ ngày lễ, tết) hoặc nộp trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh tại địa chỉ <https://dichvucong.bentre.gov.vn> hoặc Cổng dịch vụ công Quốc gia tại địa chỉ <https://dichvucong.gov.vn/>.

Bước 2. Nhận hồ sơ TTHC:

- Công chức làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ:

+ Nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì trả lại ngay và hướng dẫn đơn vị hoàn thiện lại hồ sơ.

+ Nếu hồ sơ đầy đủ thì cấp giấy biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả theo thời gian quy định. Nếu cá nhân có yêu cầu cơ quan giải quyết TTHC trả kết quả qua hệ thống bưu chính công ích thì đăng ký tại bước này (tổ chức, cá nhân thanh toán cước phí bưu điện theo quy định);

- Khi tiếp nhận hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện, cán bộ tiếp nhận hồ sơ cập nhật thông tin của các hồ sơ đúng theo quy định vào hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Giao thông vận tải.

- Chuyển hồ sơ về Phòng Quản lý vận tải, phương tiện và người lái thuộc Sở Giao thông vận tải giải quyết theo thẩm quyền.

Bước 3. Giải quyết hồ sơ TTHC:

- Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, Sở Giao thông vận tải thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản hoặc thông báo qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến những nội dung cần bổ sung hoặc sửa đổi đến đơn vị kinh doanh vận tải trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định, Sở Giao thông vận tải thẩm định hồ sơ, cấp Giấy phép kinh doanh vận tải

bằng xe ô tô. Trường hợp không cấp Giấy phép kinh doanh thì Sở Giao thông vận tải phải trả lời bằng văn bản hoặc thông báo qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến và nêu rõ lý do.

- Sở Giao thông vận tải kiểm tra thông tin về Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp trên hệ thống Công thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia *hoặc Cổng thông tin doanh nghiệp của Sở Kế hoạch và Đầu tư các tỉnh, thành phố* trước khi cấp Giấy phép kinh doanh.

- Sở Giao thông vận tải thực hiện xử lý hồ sơ và cấp Giấy phép kinh doanh trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Giao thông vận tải.

Bước 4. Trả kết quả: Đến hẹn, cá nhân mang phiếu hẹn đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre (trong giờ hành chính) để nhận kết quả hoặc nhận kết quả trực tuyến hoặc nhận kết quả qua đường Bưu điện (nếu có nhu cầu).

1.2 Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre (số 126A, Nguyễn Thị Định, phường Phú Tân, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre) hoặc gửi hồ sơ qua đường bưu điện hoặc nộp trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh tại địa chỉ: <https://dichvucong.bentre.gov.vn> hoặc Cổng dịch vụ công Quốc gia tại địa chỉ <https://dichvucong.gov.vn/>

1.3 Thành phần hồ sơ:

- Giấy đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh theo mẫu^(*);
- *Bản sao hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc văn bằng, chứng chỉ của người trực tiếp điều hành hoạt động vận tải;*
- *Bản sao hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc bản chính Quyết định thành lập và quy định chức năng, nhiệm vụ bộ phận quản lý an toàn của đơn vị kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, bằng xe bốn bánh có gắn động cơ;*
- *Bản sao hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc bản chính Quyết định giao nhiệm vụ đối với người điều hành vận tải.*

1.4 Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

1.5 Thời gian giải quyết: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định.

1.6 Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức.

1.7 Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Sở Giao thông vận tải.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Giao thông vận tải.

1.8 Kết quả thực hiện TTHC: Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, *bằng xe bốn bánh có gắn động cơ.*

^(*) Thành phần hồ sơ số hóa theo nhu cầu quản lý

1.9 Phí, lệ phí: Không có.

1.10 Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai; mẫu kết quả giải quyết TTHC:

- Giấy đề nghị cấp (cấp lại) Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, bằng xe bốn bánh có gắn động cơ;

- Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, bằng xe bốn bánh có gắn động cơ.

1.11 Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

- Điều kiện kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô

+ Xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách phải thuộc quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hợp pháp theo hợp đồng thuê phương tiện bằng văn bản của đơn vị kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô với tổ chức, cá nhân hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh theo quy định của pháp luật. Trường hợp xe đăng ký thuộc sở hữu của thành viên hợp tác xã phải có hợp đồng dịch vụ giữa thành viên với hợp tác xã, trong đó quy định hợp tác xã có quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ quản lý, sử dụng, điều hành xe ô tô thuộc sở hữu của thành viên hợp tác xã.

+ Xe ô tô kinh doanh vận tải phải lắp thiết bị giám sát hành trình, thiết bị ghi nhận hình ảnh người lái xe theo quy định tại khoản 2 Điều 35 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

+ Xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định phải có sức chứa từ 08 chỗ trở lên (không kể chỗ của người lái xe) và có niên hạn sử dụng như sau: không quá 15 năm đối với xe hoạt động trên tuyến cự ly trên 300 ki-lô-mét, không quá 20 năm đối với xe hoạt động trên tuyến có cự ly từ 300 ki-lô-mét trở xuống.

+ Xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt phải có sức chứa từ 08 chỗ trở lên (không kể chỗ của người lái xe) và có niên hạn sử dụng không quá 20 năm.

+ Xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi phải có sức chứa dưới 08 chỗ (không kể chỗ của người lái xe) và có niên hạn sử dụng không quá 12 năm. Không sử dụng xe ô tô chở người có thiết kế, cải tạo với số chỗ ít hơn 08 chỗ từ xe ô tô lớn hơn 08 chỗ (không kể chỗ của người lái xe) để kinh doanh vận tải hành khách bằng taxi.

+ Xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng có sức chứa trên 08 chỗ (không kể chỗ của người lái xe) có niên hạn sử dụng như sau: không quá 15 năm đối với xe hoạt động trên hành trình có cự ly trên 300 ki-lô-mét, không quá 20 năm đối với xe hoạt động trên hành trình có cự ly từ 300 ki-lô-mét trở xuống.

Riêng xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng có sức chứa dưới 08 chỗ (không kể chỗ của người lái xe) sử dụng hợp đồng điện tử có niên hạn sử dụng không quá 12 năm.

- Điều kiện kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô

+ Xe ô tô kinh doanh vận tải hàng hóa phải thuộc quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hợp pháp theo hợp đồng thuê phương tiện bằng văn bản của đơn vị kinh doanh vận tải hàng hóa với tổ chức, cá nhân hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh theo quy định của pháp luật.

Trường hợp xe đăng ký thuộc sở hữu của thành viên hợp tác xã phải có hợp đồng dịch vụ giữa thành viên với hợp tác xã, trong đó quy định hợp tác xã có quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ quản lý, sử dụng, điều hành xe ô tô thuộc sở hữu của thành viên hợp tác xã.

+ Xe ô tô kinh doanh vận tải hàng hóa phải đáp ứng theo khoản 11 Điều 56 Luật Đường bộ và có niên hạn sử dụng theo quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 40 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

Điều kiện kinh doanh vận tải hành khách bằng xe bốn bánh có gắn động cơ

+ Xe bốn bánh có gắn động cơ kinh doanh vận tải hành khách phải thuộc quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hợp pháp theo hợp đồng thuê phương tiện bằng văn bản của đơn vị kinh doanh vận tải hành khách bằng xe bốn bánh có gắn động cơ với tổ chức, cá nhân hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh theo quy định của pháp luật. Trường hợp xe đăng ký thuộc sở hữu của thành viên hợp tác xã phải có hợp đồng dịch vụ giữa thành viên với hợp tác xã, trong đó quy định hợp tác xã có quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ quản lý, sử dụng, điều hành xe bốn bánh có gắn động cơ thuộc sở hữu của thành viên hợp tác xã.

+ Xe bốn bánh có gắn động cơ kinh doanh vận tải hành khách phải có niên hạn sử dụng không quá 20 năm.

Điều kiện kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe bốn bánh có gắn động cơ

+ Xe bốn bánh có gắn động cơ kinh doanh vận tải hàng hóa phải thuộc quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hợp pháp theo hợp đồng thuê phương tiện bằng văn bản của đơn vị kinh doanh vận tải hàng hóa với tổ chức, cá nhân hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh theo quy định của pháp luật.

Trường hợp xe đăng ký thuộc sở hữu của thành viên hợp tác xã phải có hợp đồng dịch vụ giữa thành viên với hợp tác xã, trong đó quy định hợp tác xã có quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ quản lý, sử dụng, điều hành xe bốn bánh có gắn động cơ thuộc sở hữu của thành viên hợp tác xã.

+ Xe bốn bánh có gắn động cơ kinh doanh vận tải hàng hóa phải có niên hạn sử dụng theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 40 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

1.12 Căn cứ pháp lý của TTHC

Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ.

Ghi chú: Phần in nghiêng là nội dung được sửa đổi, bổ sung

**MẪU GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP (CẤP LẠI)
GIẤY PHÉP KINH DOANH VẬN TẢI BẰNG XE Ô TÔ**

TÊN ĐƠN VỊ KDVT:

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/.....

....., ngày.....tháng.....năm.....

**GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP (CẤP LẠI)
GIẤY PHÉP KINH DOANH VẬN TẢI
BẰNG XE Ô TÔ, BẰNG XE BỐN BÁNH CÓ GẮN ĐỘNG CƠ**

Kính gửi: Sở GTVT.....

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải:.....
2. Tên giao dịch quốc tế (nếu có):.....
3. Địa chỉ trụ sở:.....
4. Số điện thoại (Fax):
5. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc đăng ký doanh nghiệp số:; Mã số thuế: (trường hợp đơn vị kinh doanh vận tải là Hợp tác xã hoặc Hộ kinh doanh đề nghị nộp kèm theo bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh)
6. Người điều hành hoạt động vận tải: (họ tên, số chứng minh thư nhân dân; trình độ, chuyên ngành đào tạo).
7. Người đại diện theo pháp luật:
8. Nơi đỗ xe của đơn vị vận tải: Tổng số vị trí đỗ xe...(ghi rõ địa điểm, diện tích của từng vị trí).
9. Đề nghị cấp phép kinh doanh các loại hình vận tải:
-
-
10. Nội dung đăng ký chất lượng dịch vụ (áp dụng trong trường hợp đơn vị đề nghị cấp giấy phép kinh doanh vận tải theo loại hình: Tuyến cố định, xe buýt, xe taxi)
Căn cứ vào kết quả tự đánh giá xếp hạng, đơn vị chúng tôi đăng ký hạng chất lượng dịch vụ vận tải của đơn vị theo Tiêu chuẩn cơ sở về chất lượng dịch vụ vận tải hành khách do Cục Đường bộ Việt Nam ban hành (hoặc theo Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ của đơn vị xây dựng và công bố) như sau:
- Đơn vị đạt hạng: (trường hợp Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ do đơn vị xây dựng phải ghi rõ tương đương hạng nào của Tiêu chuẩn cơ sở về chất lượng dịch vụ vận tải hành khách do Cục Đường bộ Việt Nam ban hành).
11. Màu sơn đặc trưng của xe buýt:.....(áp dụng trong trường hợp đơn vị đề nghị cấp giấy phép kinh doanh vận tải theo loại hình vận tải hành khách bằng xe buýt).
Đơn vị kinh doanh vận tải cam kết những nội dung đăng ký đúng với thực tế của đơn vị.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu.

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ KDVT

(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: Trường hợp nộp trực tuyến, thực hiện kê khai thông tin theo hướng dẫn trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Giao thông vận tải.

MẪU GIẤY PHÉP KINH DOANH VẬN TẢI BẰNG XE Ô TÔ, BẰNG XE BỐN BÁNH CÓ GẮN ĐỘNG CƠ

CƠ QUAN CẤP PHÉP (1)	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc -----
<p>GIẤY PHÉP KINH DOANH VẬN TẢI BẰNG XE Ô TÔ, BẰNG XE BỐN BÁNH CÓ GẮN ĐỘNG CƠ</p> <p>Số:..... Cấp lần thứ:.....</p> <p>(Cấp lần đầu: Số.....ngày.....tháng....năm.....nơi cấp.....)</p> <ul style="list-style-type: none"> • Cấp cho đơn vị:..... • Địa chỉ: • Số điện thoại: • Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc đăng ký doanh nghiệp) số ngày.....tháng.....năm.....cơ quan cấp • Người đại diện theo pháp luật: • Được phép kinh doanh các loại hình vận tải bằng xe ô tô/Được phép kinh doanh vận tải bằng xe bốn bánh có gắn động cơ: 	
QR code	<p>....., ngày.....tháng...năm...</p> <p>Cơ quan cấp phép (Ký tên, đóng dấu)</p>

Hướng dẫn: Kính thước, kiểu chữ, cỡ chữ và màu sắc:

- Giấy phép kinh doanh vận tải được in trên khổ giấy A4, nền màu hồng có vân hoa.

- Kiểu chữ, cỡ chữ và màu chữ:

+ Dòng “GIẤY PHÉP” và dòng “KINH DOANH VẬN TẢI BẰNG XE Ô TÔ, XE BỐN BÁNH CÓ GẮN ĐỘNG CƠ” in phông chữ Times New Roman, chữ in hoa, cỡ chữ từ 14 -18, màu đỏ đậm;

+ Các dòng chữ khác in phông chữ Times New Roman, cỡ chữ 14-16, màu xanh đen.

- Các loại hình ghi trên Giấy phép: kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định; kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt; kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi; kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng; kinh doanh vận tải hàng hoá bằng công-ten-nơ; kinh doanh vận tải hàng hoá bằng xe ô tô.

2. Thủ tục: Cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, bằng xe bốn bánh có gắn động cơ khi có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép kinh doanh hoặc Giấy phép kinh doanh bị thu hồi (Mã số: 2.002286 - Dịch vụ công trực tuyến toàn trình)

2.1 Trình tự thực hiện

Bước 1. Nộp hồ sơ TTHC:

Đơn vị kinh doanh vận tải nộp hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (địa chỉ: Số 126A, Nguyễn Thị Định, phường Phú Tân, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre) hoặc qua đường bưu điện. Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Từ thứ Hai đến thứ Sáu hàng tuần vào giờ hành chính (sáng 07 giờ đến 11 giờ, chiều 13 giờ đến 17 giờ) (trừ ngày lễ, tết) hoặc nộp trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh tại địa chỉ <https://dichvucong.bentre.gov.vn> hoặc Cổng dịch vụ công Quốc gia tại địa chỉ <https://dichvucong.gov.vn/>.

Bước 2. Nhận hồ sơ TTHC:

- Công chức làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ:

+ Nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì trả lại ngay và hướng dẫn đơn vị hoàn thiện lại hồ sơ.

+ Nếu hồ sơ đầy đủ thì cấp giấy biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả theo thời gian quy định. Nếu cá nhân có yêu cầu cơ quan giải quyết TTHC trả kết quả qua hệ thống bưu chính công ích thì đăng ký tại bước này (tổ chức, cá nhân thanh toán cước phí bưu điện theo quy định);

- Khi tiếp nhận hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện, cán bộ tiếp nhận hồ sơ cập nhật thông tin của các hồ sơ đúng theo quy định vào hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Giao thông vận tải.

- Chuyển hồ sơ về Phòng Quản lý vận tải, phương tiện và người lái thuộc Sở Giao thông vận tải giải quyết theo thẩm quyền.

Bước 3. Giải quyết hồ sơ TTHC:

- Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, Sở Giao thông vận tải thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản hoặc thông báo qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến những nội dung cần bổ sung hoặc sửa đổi đến đơn vị kinh doanh vận tải trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ;

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định, Sở Giao thông vận tải thẩm định hồ sơ, cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, bằng xe bốn bánh có gắn động cơ. Trường hợp không cấp Giấy phép kinh doanh thì Sở Giao thông vận tải phải trả lời bằng văn bản hoặc thông báo qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến và nêu rõ lý do.

- Sở Giao thông vận tải kiểm tra thông tin về Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp trên hệ thống Cổng thông tin

đăng ký doanh nghiệp quốc gia hoặc *Cổng thông tin doanh nghiệp của Sở Kế hoạch và Đầu tư các tỉnh, thành phố* trước khi cấp Giấy phép kinh doanh.

- Sở Giao thông vận tải thực hiện xử lý hồ sơ và cấp Giấy phép kinh doanh trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Giao thông vận tải.

Bước 4. Trả kết quả: Đến hẹn, cá nhân mang phiếu hẹn đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre (trong giờ hành chính) để nhận kết quả hoặc nhận kết quả trực tuyến hoặc nhận kết quả qua đường Bưu điện (nếu có nhu cầu).

2.2 Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre (số 126A, Nguyễn Thị Định, phường Phú Tân, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre) hoặc gửi hồ sơ qua đường bưu điện hoặc nộp trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh tại địa chỉ: <https://dichvucong.bentre.gov.vn> hoặc Cổng dịch vụ công Quốc gia tại địa chỉ <https://dichvucong.gov.vn/>

2.3 Thành phần hồ sơ:

* *Trường hợp cấp lại Giấy phép kinh doanh do thay đổi nội dung của Giấy phép kinh doanh:*

- *Giấy đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh trong đó nêu rõ lý do xin cấp lại theo mẫu^(*);*

- *Tài liệu chứng minh sự thay đổi của những nội dung ghi trong Giấy phép kinh doanh quy định tại khoản 1 (trừ điểm đ, điểm e) Điều 19 của Nghị định số 158/2024/NĐ-CP (việc thay đổi liên quan đến nội dung nào thì bổ sung tài liệu về nội dung đó).*

* *Trường hợp cấp lại Giấy phép kinh doanh do bị thu hồi:*

- *Giấy đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh theo mẫu^(*);*

- *Bản sao hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc văn bằng, chứng chỉ của người trực tiếp điều hành hoạt động vận tải;*

- *Bản sao hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc bản chính Quyết định thành lập và quy định chức năng, nhiệm vụ bộ phận quản lý an toàn của đơn vị kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, bằng xe bốn bánh có gắn động cơ;*

- *Bản sao hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc bản chính Quyết định giao nhiệm vụ đối với người điều hành vận tải;*

- *Tài liệu chứng minh việc khắc phục đối với vi phạm quy định tại điểm a, điểm d khoản 6 Điều 21 Nghị định số 158/2024/NĐ-CP.*

2.4 Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

^(*) Thành phần hồ sơ số hóa theo nhu cầu quản lý

2.5 Thời gian giải quyết: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định.

2.6 Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức.

2.7 Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Sở Giao thông vận tải.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Giao thông vận tải.

2.8 Kết quả thực hiện TTHC: Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, bằng xe bốn bánh có gắn động cơ.

2.9 Phí, lệ phí: Không có.

2.10 Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai; mẫu kết quả giải quyết TTHC:

- *Giấy đề nghị cấp (cấp lại) Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, bằng xe bốn bánh có gắn động cơ;*
- *Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, bằng xe bốn bánh có gắn động cơ.*

2.11 Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

- *Điều kiện kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô*
 - + *Xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách phải thuộc quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hợp pháp theo hợp đồng thuê phương tiện bằng văn bản của đơn vị kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô với tổ chức, cá nhân hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh theo quy định của pháp luật. Trường hợp xe đăng ký thuộc sở hữu của thành viên hợp tác xã phải có hợp đồng dịch vụ giữa thành viên với hợp tác xã, trong đó quy định hợp tác xã có quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ quản lý, sử dụng, điều hành xe ô tô thuộc sở hữu của thành viên hợp tác xã.*
 - + *Xe ô tô kinh doanh vận tải phải lắp thiết bị giám sát hành trình, thiết bị ghi nhận hình ảnh người lái xe theo quy định tại khoản 2 Điều 35 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ.*
 - + *Xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định phải có sức chứa từ 08 chỗ trở lên (không kể chỗ của người lái xe) và có niên hạn sử dụng như sau: không quá 15 năm đối với xe hoạt động trên tuyến cự ly trên 300 ki- lô-mét, không quá 20 năm đối với xe hoạt động trên tuyến có cự ly từ 300 ki- lô-mét trở xuống.*
 - + *Xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt phải có sức chứa từ 08 chỗ trở lên (không kể chỗ của người lái xe) và có niên hạn sử dụng không quá 20 năm.*
 - + *Xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi phải có sức chứa dưới 08 chỗ (không kể chỗ của người lái xe) và có niên hạn sử dụng không quá 12 năm. Không sử dụng xe ô tô chở người có thiết kế, cải tạo với số chỗ ít hơn 08 chỗ từ xe ô tô lớn hơn 08 chỗ (không kể chỗ của người lái xe) để kinh doanh vận tải hành khách bằng taxi.*

+ Xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng có sức chứa trên 08 chỗ (không kể chỗ của người lái xe) có niên hạn sử dụng như sau: không quá 15 năm đối với xe hoạt động trên hành trình có cự ly trên 300 ki-lô-mét, không quá 20 năm đối với xe hoạt động trên hành trình có cự ly từ 300 ki-lô-mét trở xuống.

Riêng xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng có sức chứa dưới 08 chỗ (không kể chỗ của người lái xe) sử dụng hợp đồng điện tử có niên hạn sử dụng không quá 12 năm.

- Điều kiện kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô

+ Xe ô tô kinh doanh vận tải hàng hóa phải thuộc quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hợp pháp theo hợp đồng thuê phương tiện bằng văn bản của đơn vị kinh doanh vận tải hàng hóa với tổ chức, cá nhân hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh theo quy định của pháp luật.

Trường hợp xe đăng ký thuộc sở hữu của thành viên hợp tác xã phải có hợp đồng dịch vụ giữa thành viên với hợp tác xã, trong đó quy định hợp tác xã có quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ quản lý, sử dụng, điều hành xe ô tô thuộc sở hữu của thành viên hợp tác xã.

+ Xe ô tô kinh doanh vận tải hàng hóa phải đáp ứng theo khoản 11 Điều 56 Luật Đường bộ và có niên hạn sử dụng theo quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 40 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

- Điều kiện kinh doanh vận tải hành khách bằng xe bốn bánh có gắn động cơ

+ Xe bốn bánh có gắn động cơ kinh doanh vận tải hành khách phải thuộc quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hợp pháp theo hợp đồng thuê phương tiện bằng văn bản của đơn vị kinh doanh vận tải hành khách bằng xe bốn bánh có gắn động cơ với tổ chức, cá nhân hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh theo quy định của pháp luật. Trường hợp xe đăng ký thuộc sở hữu của thành viên hợp tác xã phải có hợp đồng dịch vụ giữa thành viên với hợp tác xã, trong đó quy định hợp tác xã có quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ quản lý, sử dụng, điều hành xe bốn bánh có gắn động cơ thuộc sở hữu của thành viên hợp tác xã.

+ Xe bốn bánh có gắn động cơ kinh doanh vận tải hành khách phải có niên hạn sử dụng không quá 20 năm.

- Điều kiện kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe bốn bánh có gắn động cơ

+ Xe bốn bánh có gắn động cơ kinh doanh vận tải hàng hóa phải thuộc quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hợp pháp theo hợp đồng thuê phương tiện bằng văn bản của đơn vị kinh doanh vận tải hàng hóa với tổ chức, cá nhân hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh theo quy định của pháp luật.

Trường hợp xe đăng ký thuộc sở hữu của thành viên hợp tác xã phải có hợp đồng dịch vụ giữa thành viên với hợp tác xã, trong đó quy định hợp tác xã có quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ quản lý, sử dụng, điều hành xe bốn bánh có gắn động cơ thuộc sở hữu của thành viên hợp tác xã.

+ Xe bốn bánh có gắn động cơ kinh doanh vận tải hàng hóa phải có niên hạn sử dụng theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 40 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

2.12 Căn cứ pháp lý của TTHC

Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ.

Ghi chú: Phần in nghiêng là nội dung được sửa đổi, bổ sung

**MẪU GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP (CẤP LẠI) GIẤY PHÉP KINH DOANH VẬN TẢI
BẰNG XE Ô TÔ, BẰNG XE BÓN BÁNH CÓ GẮN ĐỘNG CƠ**

TÊN ĐƠN VỊ KDVT:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....

....., ngày.....tháng.....năm.....

GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP (CẤP LẠI)
GIẤY PHÉP KINH DOANH VẬN TẢI
BẰNG XE Ô TÔ, BẰNG XE BÓN BÁNH CÓ GẮN ĐỘNG CƠ

Kính gửi: Sở GTVT.....

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải:.....
2. Tên giao dịch quốc tế (nếu có):.....
3. Địa chỉ trụ sở:.....
4. Số điện thoại (Fax):
5. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc đăng ký doanh nghiệp số:; Mã số thuế: (trường hợp đơn vị kinh doanh vận tải là Hợp tác xã hoặc Hộ kinh doanh đề nghị nộp kèm theo bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh)
6. Người điều hành hoạt động vận tải: (họ tên, số chứng minh thư nhân dân; trình độ, chuyên ngành đào tạo).
7. Người đại diện theo pháp luật:
8. Nơi đỗ xe của đơn vị vận tải: Tổng số vị trí đỗ xe...(ghi rõ địa điểm, diện tích của từng vị trí).
9. Đề nghị cấp phép kinh doanh các loại hình vận tải:
-
-
10. Nội dung đăng ký chất lượng dịch vụ (áp dụng trong trường hợp đơn vị đề nghị cấp giấy phép kinh doanh vận tải theo loại hình: Tuyên cổ định, xe buýt, xe taxi)
Căn cứ vào kết quả tự đánh giá xếp hạng, đơn vị chúng tôi đăng ký hạng chất lượng dịch vụ vận tải của đơn vị theo Tiêu chuẩn cơ sở về chất lượng dịch vụ vận tải hành khách do Cục Đường bộ Việt Nam ban hành (hoặc theo Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ của đơn vị xây dựng và công bố) như sau:
- Đơn vị đạt hạng: (trường hợp Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ do đơn vị xây dựng phải ghi rõ tương đương hạng nào của Tiêu chuẩn cơ sở về chất lượng dịch vụ vận tải hành khách do Cục Đường bộ Việt Nam ban hành).
11. Màu sơn đặc trưng của xe buýt:.....(áp dụng trong trường hợp đơn vị đề nghị cấp giấy phép kinh doanh vận tải theo loại hình vận tải hành khách bằng xe buýt).
Đơn vị kinh doanh vận tải cam kết những nội dung đăng ký đúng với thực tế của đơn vị.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu.

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ KDVT

(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: Trường hợp nộp trực tuyến, thực hiện kê khai thông tin theo hướng dẫn trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Giao thông vận tải.

**MẪU GIẤY PHÉP KINH DOANH VẬN TẢI BẰNG XE Ô TÔ, BẰNG XE BÓN
BÁNH CÓ GẮN ĐỘNG CƠ**

CƠ QUAN CẤP PHÉP (1)	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc -----
<p>GIẤY PHÉP</p> <p>KINH DOANH VẬN TẢI</p> <p>BẰNG XE Ô TÔ, BẰNG XE BÓN BÁNH CÓ GẮN ĐỘNG CƠ</p> <p>Số:..... Cấp lần thứ:.....</p> <p>(Cấp lần đầu: Số.....ngày.....tháng....năm.....nơi cấp.....)</p> <ul style="list-style-type: none"> • Cấp cho đơn vị:..... • Địa chỉ: • Số điện thoại: • Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc đăng ký doanh nghiệp) số ngày.....tháng.....năm..... cơ quan cấp • Người đại diện theo pháp luật: • Được phép kinh doanh các loại hình vận tải bằng xe ô tô: 	
QR code	<p>....., ngày....tháng...năm...</p> <p>Cơ quan cấp phép (Ký tên, đóng dấu)</p>

Hướng dẫn: Kính thước, kiểu chữ, cỡ chữ và màu sắc:

- Giấy phép kinh doanh vận tải được in trên khổ giấy A4, nền màu hồng có vân hoa.

- Kiểu chữ, cỡ chữ và màu chữ:

+ Dòng “GIẤY PHÉP” và dòng “KINH DOANH VẬN TẢI BẰNG XE Ô TÔ, XE BÓN BÁNH CÓ GẮN ĐỘNG CƠ” in phông chữ Times New Roman, chữ in hoa, cỡ chữ từ 14 -18, màu đỏ đậm;

+ Các dòng chữ khác in phông chữ Times New Roman, cỡ chữ 14-16, màu xanh đen.

- Các loại hình ghi trên Giấy phép: kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định; kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt; kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi; kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng; kinh doanh vận tải hàng hoá bằng công-ten-nơ; kinh doanh vận tải hàng hoá bằng xe ô tô.

3. Thủ tục: Cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, bằng xe bốn bánh có gắn động cơ trường hợp Giấy phép kinh doanh bị mất, bị hỏng (Mã số: 2.002287 - Dịch vụ công trực tuyến toàn trình)

3.1 Trình tự thực hiện

Bước 1. Nộp hồ sơ TTHC:

Đơn vị kinh doanh vận tải nộp hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (địa chỉ: Số 126A, Nguyễn Thị Định, phường Phú Tân, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre) hoặc qua đường bưu điện. Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Từ thứ Hai đến thứ Sáu hàng tuần vào giờ hành chính (sáng 07 giờ đến 11 giờ, chiều 13 giờ đến 17 giờ) (trừ ngày lễ, tết) hoặc nộp trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh tại địa chỉ <https://dichvucong.bentre.gov.vn> hoặc Cổng dịch vụ công Quốc gia tại địa chỉ <https://dichvucong.gov.vn/>.

Bước 2. Nhận hồ sơ TTHC:

- Công chức làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ:

+ Nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì trả lại ngay và hướng dẫn đơn vị hoàn thiện lại hồ sơ.

+ Nếu hồ sơ đầy đủ thì cấp giấy biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả theo thời gian quy định. Nếu cá nhân có yêu cầu cơ quan giải quyết TTHC trả kết quả qua hệ thống bưu chính công ích thì đăng ký tại bước này (tổ chức, cá nhân thanh toán cước phí bưu điện theo quy định);

- Khi tiếp nhận hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện, cán bộ tiếp nhận hồ sơ cập nhật thông tin của các hồ sơ đúng theo quy định vào hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Giao thông vận tải.

- Chuyển hồ sơ về Phòng Quản lý vận tải, phương tiện và người lái thuộc Sở Giao thông vận tải giải quyết theo thẩm quyền.

Bước 3. Giải quyết hồ sơ TTHC:

- Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, Sở Giao thông vận tải thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản hoặc thông báo qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến những nội dung cần bổ sung hoặc sửa đổi đến đơn vị kinh doanh vận tải trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ;

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định, Sở Giao thông vận tải thực hiện cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, bằng xe bốn bánh có gắn động cơ. Trường hợp không cấp Giấy phép kinh doanh thì Sở Giao thông vận tải phải trả lời bằng văn bản hoặc thông báo qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến và nêu rõ lý do.

- Sở Giao thông vận tải kiểm tra thông tin về Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp trên hệ thống Cổng thông tin

đăng ký doanh nghiệp quốc gia hoặc *Cổng thông tin doanh nghiệp của Sở Kế hoạch và Đầu tư các tỉnh, thành phố* trước khi cấp Giấy phép kinh doanh.

- Sở Giao thông vận tải thực hiện xử lý hồ sơ và cấp Giấy phép kinh doanh trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Giao thông vận tải.

Bước 4. Trả kết quả: Đến hẹn, cá nhân mang phiếu hẹn đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre (trong giờ hành chính) để nhận kết quả hoặc nhận kết quả trực tuyến hoặc nhận kết quả qua đường Bưu điện (nếu có nhu cầu).

3.2 Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre hoặc gửi hồ sơ qua đường bưu điện hoặc nộp trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh tại địa chỉ: <https://dichvucong.bentre.gov.vn> hoặc Cổng dịch vụ công Quốc gia tại địa chỉ <https://dichvucong.gov.vn/>.

3.3 Thành phần hồ sơ:

Giấy đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh theo mẫu (*).

3.4 Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

3.5 Thời gian giải quyết: Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

3.6 Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức.

3.7 Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Sở Giao thông vận tải.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Giao thông vận tải.

3.8 Kết quả thực hiện TTHC: Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, *bằng xe bốn bánh có gắn động cơ*.

3.9 Phí, lệ phí: Không có.

3.10 Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai; mẫu kết quả giải quyết TTHC:

- Giấy đề nghị cấp (cấp lại) Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, *bằng xe bốn bánh có gắn động cơ*;
- Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, *bằng xe bốn bánh có gắn động cơ*.

3.11 Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

- *Điều kiện kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô*
- + *Xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách phải thuộc quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hợp pháp theo hợp đồng thuê phương tiện bằng văn bản của đơn vị kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô với tổ chức, cá nhân hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh theo quy định của pháp luật. Trường hợp xe đăng ký thuộc sở hữu của thành viên hợp tác xã phải có hợp đồng dịch vụ giữa thành viên với hợp*

(*) Thành phần hồ sơ số hóa theo nhu cầu quản lý

tác xã, trong đó quy định hợp tác xã có quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ quản lý, sử dụng, điều hành xe ô tô thuộc sở hữu của thành viên hợp tác xã.

+ Xe ô tô kinh doanh vận tải phải lắp thiết bị giám sát hành trình, thiết bị ghi nhận hình ảnh người lái xe theo quy định tại khoản 2 Điều 35 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

+ Xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định phải có sức chứa từ 08 chỗ trở lên (không kể chỗ của người lái xe) và có niên hạn sử dụng như sau: không quá 15 năm đối với xe hoạt động trên tuyến cự ly trên 300 ki-lô-mét, không quá 20 năm đối với xe hoạt động trên tuyến có cự ly từ 300 ki-lô-mét trở xuống.

+ Xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt phải có sức chứa từ 08 chỗ trở lên (không kể chỗ của người lái xe) và có niên hạn sử dụng không quá 20 năm.

+ Xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi phải có sức chứa dưới 08 chỗ (không kể chỗ của người lái xe) và có niên hạn sử dụng không quá 12 năm. Không sử dụng xe ô tô chở người có thiết kế, cải tạo với số chỗ ít hơn 08 chỗ từ xe ô tô lớn hơn 08 chỗ (không kể chỗ của người lái xe) để kinh doanh vận tải hành khách bằng taxi.

+ Xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng có sức chứa trên 08 chỗ (không kể chỗ của người lái xe) có niên hạn sử dụng như sau: không quá 15 năm đối với xe hoạt động trên hành trình có cự ly trên 300 ki-lô-mét, không quá 20 năm đối với xe hoạt động trên hành trình có cự ly từ 300 ki-lô-mét trở xuống.

Riêng xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng có sức chứa dưới 08 chỗ (không kể chỗ của người lái xe) sử dụng hợp đồng điện tử có niên hạn sử dụng không quá 12 năm.

- Điều kiện kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô

+ Xe ô tô kinh doanh vận tải hàng hóa phải thuộc quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hợp pháp theo hợp đồng thuê phương tiện bằng văn bản của đơn vị kinh doanh vận tải hàng hóa với tổ chức, cá nhân hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh theo quy định của pháp luật.

Trường hợp xe đăng ký thuộc sở hữu của thành viên hợp tác xã phải có hợp đồng dịch vụ giữa thành viên với hợp tác xã, trong đó quy định hợp tác xã có quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ quản lý, sử dụng, điều hành xe ô tô thuộc sở hữu của thành viên hợp tác xã.

+ Xe ô tô kinh doanh vận tải hàng hóa phải đáp ứng theo khoản 11 Điều 56 Luật Đường bộ và có niên hạn sử dụng theo quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 40 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

- Điều kiện kinh doanh vận tải hành khách bằng xe bốn bánh có gắn động cơ

+ Xe bốn bánh có gắn động cơ kinh doanh vận tải hành khách phải thuộc quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hợp pháp theo hợp đồng thuê phương tiện bằng văn bản của đơn vị kinh doanh vận tải hành khách bằng xe bốn bánh có gắn động

ơ với tổ chức, cá nhân hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh theo quy định của pháp luật. Trường hợp xe đăng ký thuộc sở hữu của thành viên hợp tác xã phải có hợp đồng dịch vụ giữa thành viên với hợp tác xã, trong đó quy định hợp tác xã có quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ quản lý, sử dụng, điều hành xe bốn bánh có gắn động cơ thuộc sở hữu của thành viên hợp tác xã.

+ Xe bốn bánh có gắn động cơ kinh doanh vận tải hành khách phải có niên hạn sử dụng không quá 20 năm.

- Điều kiện kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe bốn bánh có gắn động cơ

+ Xe bốn bánh có gắn động cơ kinh doanh vận tải hàng hóa phải thuộc quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hợp pháp theo hợp đồng thuê phương tiện bằng văn bản của đơn vị kinh doanh vận tải hàng hóa với tổ chức, cá nhân hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh theo quy định của pháp luật.

Trường hợp xe đăng ký thuộc sở hữu của thành viên hợp tác xã phải có hợp đồng dịch vụ giữa thành viên với hợp tác xã, trong đó quy định hợp tác xã có quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ quản lý, sử dụng, điều hành xe bốn bánh có gắn động cơ thuộc sở hữu của thành viên hợp tác xã.

+ Xe bốn bánh có gắn động cơ kinh doanh vận tải hàng hóa phải có niên hạn sử dụng theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 40 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

3.12 Căn cứ pháp lý của TTHC

Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ.

Ghi chú: Phần in nghiêng là nội dung được sửa đổi, bổ sung

**MẪU GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP (CẤP LẠI) GIẤY PHÉP KINH DOANH VẬN TẢI
BẰNG XE Ô TÔ, BẰNG XE BÓN BÁNH CÓ GẮN ĐỘNG CƠ**

TÊN ĐƠN VỊ KDVT:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....

....., ngày.....tháng.....năm.....

GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP (CẤP LẠI)
GIẤY PHÉP KINH DOANH VẬN TẢI
BẰNG XE Ô TÔ, BẰNG XE BÓN BÁNH CÓ GẮN ĐỘNG CƠ

Kính gửi: Sở GTVT.....

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải:.....
2. Tên giao dịch quốc tế (nếu có):.....
3. Địa chỉ trụ sở:.....
4. Số điện thoại (Fax):
5. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc đăng ký doanh nghiệp số:; Mã số thuế: (trường hợp đơn vị kinh doanh vận tải là Hợp tác xã hoặc Hộ kinh doanh đề nghị nộp kèm theo bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh)
6. Người điều hành hoạt động vận tải: (họ tên, số chứng minh thư nhân dân; trình độ, chuyên ngành đào tạo).
7. Người đại diện theo pháp luật:
8. Nơi đỗ xe của đơn vị vận tải: Tổng số vị trí đỗ xe...(ghi rõ địa điểm, diện tích của từng vị trí).
9. Đề nghị cấp phép kinh doanh các loại hình vận tải:
-
-
10. Nội dung đăng ký chất lượng dịch vụ (áp dụng trong trường hợp đơn vị đề nghị cấp giấy phép kinh doanh vận tải theo loại hình: Tuyên cổ định, xe buýt, xe taxi)
Căn cứ vào kết quả tự đánh giá xếp hạng, đơn vị chúng tôi đăng ký hạng chất lượng dịch vụ vận tải của đơn vị theo Tiêu chuẩn cơ sở về chất lượng dịch vụ vận tải hành khách do Cục Đường bộ Việt Nam ban hành (hoặc theo Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ của đơn vị xây dựng và công bố) như sau:
- Đơn vị đạt hạng: (trường hợp Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ do đơn vị xây dựng phải ghi rõ tương đương hạng nào của Tiêu chuẩn cơ sở về chất lượng dịch vụ vận tải hành khách do Cục Đường bộ Việt Nam ban hành).
11. Màu sơn đặc trưng của xe buýt:.....(áp dụng trong trường hợp đơn vị đề nghị cấp giấy phép kinh doanh vận tải theo loại hình vận tải hành khách bằng xe buýt).
Đơn vị kinh doanh vận tải cam kết những nội dung đăng ký đúng với thực tế của đơn vị.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu.

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ KDVT

(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: Trường hợp nộp trực tuyến, thực hiện kê khai thông tin theo hướng dẫn trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Giao thông vận tải.

**MẪU GIẤY PHÉP KINH DOANH VẬN TẢI BẰNG XE Ô TÔ, BẰNG XE BÓN
BÁNH CÓ GẮN ĐỘNG CƠ**

CƠ QUAN CẤP PHÉP (1)	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc -----
<p>GIẤY PHÉP KINH DOANH VẬN TẢI BẰNG XE Ô TÔ, BẰNG XE BÓN BÁNH CÓ GẮN ĐỘNG CƠ</p> <p>Số:..... Cấp lần thứ:..... (Cấp lần đầu: Số.....ngày.....tháng....năm.....nơi cấp.....)</p> <ul style="list-style-type: none"> • Cấp cho đơn vị:..... • Địa chỉ: • Số điện thoại: • Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc đăng ký doanh nghiệp) số ngày.....tháng.....năm.....cơ quan cấp • Người đại diện theo pháp luật: • Được phép kinh doanh các loại hình vận tải bằng xe ô tô: 	
QR code, ngày...tháng...năm... Cơ quan cấp phép (Ký tên, đóng dấu)

Hướng dẫn: Kính thước, kiểu chữ, cỡ chữ và màu sắc:

- Giấy phép kinh doanh vận tải được in trên khổ giấy A4, nền màu hồng có vân hoa.

- Kiểu chữ, cỡ chữ và màu chữ:

+ Dòng “GIẤY PHÉP” và dòng “KINH DOANH VẬN TẢI BẰNG XE Ô TÔ, XE BÓN BÁNH CÓ GẮN ĐỘNG CƠ” in phông chữ Times New Roman, chữ in hoa, cỡ chữ từ 14 -18, màu đỏ đậm;

+ Các dòng chữ khác in phông chữ Times New Roman, cỡ chữ 14-16, màu xanh đen.

- Các loại hình ghi trên Giấy phép: kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định; kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt; kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi; kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng; kinh doanh vận tải hàng hoá bằng công-ten-nơ; kinh doanh vận tải hàng hoá bằng xe ô tô.

4. Thủ tục: Đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định (Mã số: 2.002285 - Dịch vụ công trực tuyến toàn trình)

4.1 Trình tự thực hiện:

Bước 1. Nộp hồ sơ TTHC:

Đơn vị kinh doanh vận tải gửi hồ sơ đăng ký khai thác tuyến về Sở Giao thông vận tải nơi đã cấp Giấy phép kinh doanh trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Giao thông vận tải tại địa chỉ: <https://qlvt.mt.gov.vn/>

Bước 2. Giải quyết TTHC:

- Công chức làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ:

+ Nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì yêu cầu bổ sung (nội dung cần bổ sung thông báo trên trang thông tin điện tử dịch vụ công trực tuyến).

+ Nếu hồ sơ đầy đủ thì thông báo tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả trên trang thông tin điện tử dịch vụ công trực tuyến.

- Chuyển hồ sơ về Phòng Quản lý vận tải, phương tiện và người lái thuộc Sở Giao thông vận tải giải quyết theo thẩm quyền.

Bước 3. Giải quyết hồ sơ TTHC

- Trong thời hạn tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, Sở Giao thông vận tải phải kiểm tra hồ sơ. Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, Sở Giao thông vận tải nơi tiếp nhận hồ sơ thông báo trực tiếp *trên hệ thống dịch vụ công* nội dung cần sửa đổi, bổ sung đến *đơn vị kinh doanh vận tải*.

- Trong thời gian tối đa 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận thông báo sửa đổi, bổ sung của Sở Giao thông vận tải, *đơn vị kinh doanh vận tải* phải hoàn thiện và cập nhật *hồ sơ lên hệ thống dịch vụ công trực tuyến*. Trường hợp quá 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận thông báo, *đơn vị kinh doanh vận tải* không hoàn thiện, bổ sung đủ hồ sơ thì hồ sơ được coi là không hợp lệ, Sở Giao thông vận tải tiếp tục kiểm tra hồ sơ tiếp theo theo thứ tự thời gian nộp *trên hệ thống dịch vụ công*;

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định, Sở Giao thông vận tải nơi tiếp nhận hồ sơ *thực hiện rà soát và gửi* văn bản lấy ý kiến *thống nhất trên Hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Giao thông vận tải với Sở đầu tuyến bên kia*. Trong thời gian 02 ngày làm việc, Sở Giao thông vận tải *đầu tuyến bên kia có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trên Hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Giao thông vận tải về việc đồng ý hoặc không đồng ý (nêu rõ lý do)*. Trường hợp Sở Giao thông vận tải *đầu tuyến bên kia* không có văn bản trả lời thì *hệ thống sẽ tự động chuyển sang trạng thái đã đồng ý*.

- Sau khi có ý kiến xác nhận đồng ý của Sở Giao thông vận tải *đầu tuyến bên kia*, Sở Giao thông vận tải nơi tiếp nhận hồ sơ *thực hiện ban hành Thông báo đăng ký khai thác tuyến thành công (bằng văn bản) và trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến gửi đơn vị kinh doanh vận tải, Sở Giao thông vận tải đầu tuyến bên kia (đối với tuyến vận tải khách cố định liên tỉnh), bến xe hai đầu tuyến để phối hợp*

quản lý.

- Trường hợp có nhiều hồ sơ cùng đăng ký trùng tuyến và trùng giờ xuất bến, Sở Giao thông vận tải xử lý hồ sơ theo thứ tự thời gian nộp hồ sơ của đơn vị kinh doanh vận tải trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến, đơn vị nộp trước được kiểm tra, xử lý trước.

- Thông báo đăng ký khai thác tuyến thành công có hiệu lực kể từ ngày ký đến ngày đơn vị kinh doanh vận tải ngừng tham gia khai thác tuyến hoặc theo hiệu lực của quyết định đình chỉ khai thác tuyến của Sở Giao thông vận tải. Trước 10 ngày hết hạn, Sở Giao thông vận tải thông báo bằng văn bản trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Giao thông vận tải đến đơn vị kinh doanh vận tải về thời gian hết hạn của Thông báo đăng ký khai thác tuyến. Sau 60 ngày kể từ ngày có Thông báo đăng ký khai thác tuyến thành công, nếu đơn vị kinh doanh vận tải không thực hiện đưa xe vào khai thác thì Thông báo đăng ký khai thác tuyến thành công không còn hiệu lực.

Bước 4. Trả kết quả: Đơn vị kinh doanh vận tải nhận kết quả trực tuyến trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Giao thông vận tải.

4.2 Cách thức thực hiện: Nộp trực tuyến trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Giao thông vận tải tại địa chỉ: <https://qlvt.mt.gov.vn/>

4.3 Thành phần hồ sơ:

- Đăng ký khai thác tuyến theo mẫu^(*);

- Bản sao hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc bản chính văn bản trao đổi thống nhất giữa bên xe hai đầu tuyến với đơn vị kinh doanh vận tải tham gia khai thác tuyến (áp dụng đối với trường hợp tuyến phải điều chỉnh, bổ sung).

4.4 Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

4.5 Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định.

4.6 Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

4.7 Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Sở Giao thông vận tải.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Giao thông vận tải.
- Cơ quan phối hợp: Sở Giao thông vận tải đầu tuyến bên kia.

4.8 Kết quả của việc thực TTHC:

Thông báo đơn vị đăng ký khai thác tuyến thành công.

4.9 Phí, lệ phí, giá: Không.

4.10 Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai; mẫu kết quả giải quyết TTHC:

^(*) Thành phần hồ sơ số hóa theo nhu cầu quản lý

- Đăng ký khai thác tuyến.
- Thông báo đơn vị đăng ký khai thác tuyến thành công.

4.11 Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

Căn cứ vào danh mục mạng lưới tuyến vận tải hành khách cố định, biểu đồ chạy xe theo tuyến đã công bố và cập nhật trên danh mục tuyến vận tải khách cố định của Bộ Giao thông vận tải, đơn vị kinh doanh vận tải có Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô theo loại hình tuyến cố định được quyền lựa chọn giờ xuất bến và thực hiện đăng ký khai thác tuyến theo quy định.

4.12 Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ.

MẪU ĐĂNG KÝ KHAI THÁC TUYẾN

TÊN ĐƠN VỊ KDVT: CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /.....
, ngày..... tháng..... năm.....

ĐĂNG KÝ KHAI THÁC TUYẾN

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải.....

1. Tên Đơn vị KDVT:
2. Địa chỉ:
3. Số điện thoại (Fax):
4. Đăng ký(1)..... tuyến: Mã số tuyến:

Nơi đi: Nơi đến: (2)

Bến xe đi: Bến xe đến: (3)

Giờ xe xuất bến tại bến xe đi:giờ.... phút, vào các ngày

Giờ xe xuất bến tại bến xe đến:giờ.... phút, vào các ngày

Số chuyến xe trong ngày/tuần/tháng:

Cự ly vận chuyển: km.

Hành trình chạy xe:

Phương án khai thác tuyến vận tải hành khách bằng xe ô tô (được gửi kèm).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ KDVT

(Ký tên, đóng dấu)

Hướng dẫn ghi:

(1) Ghi tên tỉnh (nếu là tuyến liên tỉnh), ghi tên huyện, xã nơi đặt bến xe (nếu là tuyến nội tỉnh).

(2) Ghi tên địa danh tỉnh đi, tỉnh đến. Ghi tên huyện, xã nơi đặt bến xe (nếu là tuyến nội tỉnh).

(3) Ghi tên bến xe nơi đi và tên bến xe nơi đến.

Ghi chú: Trường hợp nộp trực tuyến, thực hiện kê khai thông tin theo hướng dẫn trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Giao thông vận tải.

TÊN ĐƠN VỊ KDVT: CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
, ngày..... tháng..... năm.....

PHƯƠNG ÁN
KHAI THÁC TUYẾN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH BẰNG XE Ô TÔ

I. Đặc điểm tuyến:

Mã số tuyến:.....
 Tên tuyến:.....đi và ngược lại.
 Bến đi:.....; Bến đến:.....
 cự ly vận chuyển:km.

Hành trình:

II. Biểu đồ chạy xe:

1. Số chuyến (nốt (tài)).....trong ngày, tuần, tháng.

2. Giờ xuất bến:

a) Chiều đi: xuất bến tại:

- Nốt (tài) 1 xuất bến lúc giờ.....phút, vào các ngày.....

- Nốt (tài) 2 xuất bến lúc giờ.....phút, vào các ngày.....

-

b) Chiều về: xuất bến tại:

- Nốt (tài) 1 xuất bến lúc giờ.....phút, vào các ngày.....

- Nốt (tài) 2 xuất bến lúc giờ.....phút, vào các ngày.....

-

3. Thời gian thực hiện một hành trình chạy xegiờ.... phút.

4. Tốc độ lữ hành: km/h.

5. Lịch trình chạy xe:

a) Chiều đi: xuất bến tại:

+ Nốt (tài) 1: Giờ xuất bến:.....

TT lần nghỉ	Tên điểm dừng nghỉ	Điện thoại	Địa chỉ	Thời gian đến	Thời gian dừng (phút)
1.					
2.					
...					

+ Nốt (tài) 2: Giờ xuất bến:.....

TT lần nghỉ	Tên điểm dừng nghỉ	Điện thoại	Địa chỉ	Thời gian đến	Thời gian dừng (phút)
1.					
2.					
...					

b) Chiều về: xuất bến tại:.....

+ Nốt (tài) 1: Giờ xuất bến:.....

TT lần nghỉ	Tên điểm dừng nghỉ	Điện thoại	Địa chỉ	Thời gian đến	Thời gian dừng (phút)
1.					
2.					
...					

+ Nốt (tài) 2: Giờ xuất bến:.....

TT lần nghỉ	Tên điểm dừng nghỉ	Điện thoại	Địa chỉ	Thời gian đến	Thời gian dừng (phút)
1.					
2.					
...					

III. Đoàn phương tiện:

TT	Nhãn hiệu xe	Năm sản xuất	Sức chứa	Tiêu chuẩn khí thải	Số lượng (chiếc)
1					
2					
	Tổng cộng				

IV. Phương án bố trí lái xe, nhân viên phục vụ trên xe:

TT	Nốt (tài)	Số lượng lái xe	Số lượng nhân viên phục vụ	Ghi chú
1	Nốt (tài) 1			
2	Nốt (tài) 2			
			

V. Giá vé và cước hành lý:

1. Giá vé:

a) Giá vé suốt tuyến: đồng/HK.

b) Giá vé chặng (nếu có):

- Chặng 1 (từđến.....):..... đồng/HK.

- Chặng 2 (từ.....đến):..... đồng/HK.

- Chặng.....

2. Giá cước hành lý:

- a) Hành lý được miễn cước:..... kg.
 b) Hành lý vượt quá mức miễn cước: đ/kg.

3. Hình thức bán vé

- a) Bán vé tại quầy ở bến xe:.....
 b) Bán vé tại đại lý:..... (ghi rõ tên đại lý, địa chỉ, điện thoại).....
 c) Bán vé qua mạng: (địa chỉ trang web).

VI. Xe trung chuyển (nếu có):

- Loại xe:....., sức chứa:....., năm sản xuất.....
 - Số lượng xe:.....

VII. Nội dung đăng ký chất lượng dịch vụ trên tuyến:

1. Đạt chất lượng dịch vụ loại.....(sao) theo Tiêu chuẩn cơ sở về chất lượng dịch vụ vận tải hành khách do Cục Đường bộ Việt Nam ban hành (hoặc Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ do đơn vị xây dựng tương đương loại (sao) của Tiêu chuẩn cơ sở về chất lượng dịch vụ vận tải hành khách do Cục Đường bộ Việt Nam ban hành).
 2. Các dịch vụ phục vụ hành khách trên hành trình gồm:.....
 3. Số điện thoại đường dây nóng của đơn vị:

ĐƠN VỊ KDVT

(Ký tên, đóng dấu)

MẪU THÔNG BÁO ĐƠN VỊ ĐĂNG KÝ KHAI THÁC TUYẾN THÀNH CÔNG

SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI..... CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:..... /.....

....., ngày tháng năm

**THÔNG BÁO
ĐƠN VỊ ĐĂNG KÝ KHAI THÁC TUYẾN THÀNH CÔNG**

Kính gửi:.....(*Tên Đơn vị kinh doanh vận tải đăng ký khai thác tuyến thành công*)

Căn cứ nghị định số /2024/NĐ-CP ngày tháng năm 2024 của Chính phủ quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.

Sở Giao thông vận tải thông báo về việc đăng ký khai thác tuyến vận tải khách cố định thành công với các nội dung sau:

1. Tên Đơn vị KDVT:.....

2. Địa chỉ:.....

3. Số điện thoại (Fax):.....

4. Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô số:..... ngày...../...../..... do(tên cơ quan cấp)cấp.

Được tham gia khai thác tuyến vận tải khách cố định liên tỉnh (hoặc nội tỉnh) kể từ ngày.... tháng.... năm.....

- Tên tuyến: Nơi đi:..... Nơi đến:và ngược lại ⁽¹⁾.

- Bến xe đi:..... Bến xe đến:

- Mã số tuyến:.....

- Cự ly vận chuyển:.....km; Hành trình chạy xe:.....

Giờ xe xuất bến:

+ Tại bến xe đi:..... giờ..... phút, vào các ngày.....

+ Tại bến xe đến:giờ.....phút, vào các ngày.....

Trong thời gian 60 ngày kể từ ngày thông báo..... (*Tên Đơn vị kinh doanh vận tải đăng ký khai thác tuyến thành công*) có trách nhiệm đưa xe vào khai thác. Trường hợp sau 60 ngày kể từ ngày thông báo, nếu..... (*Tên Đơn vị kinh doanh vận tải đăng ký khai thác tuyến thành công*)không thực hiện đưa xe vào khai thác thì Thông báo này không còn hiệu lực.

Nơi nhận:

Như trên;

Cục ĐBVN;

Sở GTVT...;

Các Bến xe...;

Lưu:....

GIÁM ĐỐC

(*Ký tên, đóng dấu*)

Hướng dẫn ghi: ⁽¹⁾ Ghi tên tỉnh (nếu là tuyến liên tỉnh), ghi tên huyện, xã nơi đặt bến xe (nếu là tuyến nội tỉnh).

5. Thủ tục: Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của các nước thực hiện các Hiệp định khung ASEAN về vận tải đường bộ qua biên giới (Mã số: 1.010707 - Dịch vụ công trực tuyến toàn trình)

5.1 Trình tự thực hiện

Bước 1. Nộp hồ sơ TTHC:

Khi phương tiện của các nước thực hiện các Hiệp định khung ASEAN về vận tải đường bộ qua biên giới gặp sự cố bất khả kháng trên địa bàn tỉnh Bến Tre. Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đề nghị Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của các nước thực hiện các Hiệp định khung ASEAN về vận tải đường bộ qua biên giới qua Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (địa chỉ: Số 126A, Nguyễn Thị Định, phường Phú Tân, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre) hoặc qua đường bưu điện. Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Từ thứ Hai đến thứ Sáu hàng tuần vào giờ hành chính (sáng 07 giờ đến 11 giờ, chiều 13 giờ đến 17 giờ) (trừ ngày lễ, tết) hoặc nộp trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh tại địa chỉ <https://dichvucong.bentre.gov.vn> hoặc Công dịch vụ công Quốc gia tại địa chỉ <https://dichvucong.gov.vn/>.

Bước 2. Nhận hồ sơ TTHC:

- Công chức làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ:

+ Nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì trả lại ngay và hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện lại hồ sơ.

+ Nếu hồ sơ đầy đủ thì cấp giấy biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả theo thời gian quy định. Nếu cá nhân có yêu cầu cơ quan giải quyết TTHC trả kết quả qua hệ thống bưu chính công ích thì đăng ký tại bước này (tổ chức, cá nhân thanh toán cước phí bưu điện theo quy định);

- Chuyển hồ sơ về Phòng Quản lý vận tải, phương tiện và người lái thuộc Sở Giao thông vận tải giải quyết theo thẩm quyền.

Bước 3. Giải quyết hồ sơ TTHC:

Sở Giao thông vận tải tiến hành thẩm định hồ sơ, trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, Sở Giao thông vận tải thực hiện gia hạn thời gian lưu hành cho phương tiện của các nước thực hiện các Hiệp định khung ASEAN về vận tải đường bộ qua biên giới. Trường hợp không gia hạn, Sở Giao thông vận tải trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do.

Bước 4. Trả kết quả: Đến hẹn, cá nhân mang phiếu hẹn đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre (trong giờ hành chính) để nhận kết quả hoặc nhận kết quả trực tuyến hoặc nhận kết quả qua đường Bưu điện (nếu có nhu cầu).

5.2 Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre (số 126A, Nguyễn Thị Định, phường Phú Tân, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre) hoặc gửi hồ sơ qua đường bưu điện hoặc nộp trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh tại địa chỉ:

<https://dichvucong.bentre.gov.vn> hoặc Cổng dịch vụ công Quốc gia tại địa chỉ <https://dichvucong.gov.vn/>

5.3 Thành phần hồ sơ:

- Giấy đề nghị gia hạn *thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam* theo mẫu ^(*)

- Giấy phép liên vận ASEAN (bản chính).

5.4 Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

5.5 Thời gian giải quyết: Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định

5.6 Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

5.7 Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Sở Giao thông vận tải.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Giao thông vận tải.

5.8 Kết quả thực hiện TTHC: Gia hạn thời gian lưu hành *tại Việt Nam* cho phương tiện của các nước thực hiện các Hiệp định khung ASEAN về vận tải đường bộ qua biên giới.

5.9 Phí, lệ phí: Không có.

5.10 Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai; mẫu kết quả giải quyết TTHC:

Giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam

5.11 Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: *Phương tiện của các nước thực hiện các Hiệp định khung ASEAN về vận tải đường bộ qua biên giới quá thời gian lưu hành tại Việt Nam quy định tại Giấy phép liên vận ASEAN trong trường hợp bất khả kháng.*

5.12 Căn cứ pháp lý của TTHC

Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ.

Ghi chú: Phần in nghiêng là nội dung được sửa đổi, bổ sung

^(*) Thành phần hồ sơ số hóa theo nhu cầu quản lý

Mẫu Giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Independence - Freedom - Happiness

GIẤY ĐỀ NGHỊ GIA HẠN THỜI GIAN LƯU HÀNH CỦA PHƯƠNG TIỆN TẠI VIỆT NAM
REQUEST FOR EXTENSION OF VEHICLE OPERATION PERIOD IN VIET NAM

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải Bến Tre

To: Department of Transport of Ben Tre province

-
1. Người xin gia hạn (*Applicant Name*):
 2. Địa chỉ: (*Address*)
 3. Số điện thoại: (*Telephone number*) Số Fax/Địa chỉ email: *Fax number/Email address*)
 4. Đề nghị Sở Giao thông vận tải gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện vận tải sau: *Kindly request Provincial Transport Department of Ben Tre to extend the operation period in Viet Nam for the following vehicle(s):*
 - Biển số xe (*Registration number*):
 - Giấy phép liên vận ASEAN số (ASEAN Vehicle Cross-border Transport Permit number) ngày (on the date of)(dd/mm/yyyy)
 - Ngày hết hạn của giấy phép (Expiry date of transport permit): (dd/mm/yyyy)
 5. Lý do xin gia hạn (*Reason for extension*):.....

 (Mô tả lý do không thể về nước theo quy định (describe the reason of inability to timely return to its Home country))
 6. Đề nghị gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam trong thời gian.....ngày, từ ngày đến ngày
 Request for extension of vehicle operation period in Viet Nam in.....day(s), from(dd/mm/yyyy) until.....(dd/mm/yyyy)
 7. Chúng tôi xin cam kết (*We commit*):
 - a) Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của nội dung giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam và các văn bản kèm theo (*To take full responsibility for the truthfulness and accuracy of the request for extension of vehicle operation period in Viet Nam and the attached documents*).
 - b) Chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam cũng như những quy định ghi trong các Hiệp định ASEAN (*To comply strictly with all provisions of Viet Nam's Laws as well as the provisions of ASEAN Agreement*).

....., ngày ... tháng ... năm

Place,.....(dd/mm/yyyy)

Người xin gia hạn (Applicant name)

Ký, ghi rõ họ và tên (*Signature & full name*)

Lái xe, chủ phương tiện hoặc người được ủy quyền
 (*Driver, vehicle owner or authorized person*).

6. Thủ tục: Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của các nước thực hiện Hiệp định GMS (Mã số: 1.002046 - Dịch vụ công trực tuyến toàn trình)

6.1 Trình tự thực hiện:

Bước 1. Nộp hồ sơ TTHC

Khi phương tiện gặp sự cố bất khả kháng trên địa bàn tỉnh Bến Tre. Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của các nước thực hiện Hiệp định GMS trực tiếp qua *Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (địa chỉ: Số 126A, Nguyễn Thị Định, phường Phú Tân, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre)* hoặc qua đường bưu điện. Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Từ thứ Hai đến thứ Sáu hàng tuần vào giờ hành chính (sáng 07 giờ đến 11 giờ, chiều 13 giờ đến 17 giờ) (trừ ngày lễ, tết) hoặc nộp trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh tại địa chỉ <https://dichvucong.bentre.gov.vn> hoặc Cổng dịch vụ công Quốc gia tại địa chỉ <https://dichvucong.gov.vn/>.

Bước 2. Nhận hồ sơ TTHC

- Công chức một cửa tiếp nhận kiểm tra hồ sơ:

+ Nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì trả lại ngay và hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện lại hồ sơ.

+ Nếu hồ sơ đầy đủ thì cấp giấy biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả theo thời hạn quy định. Nếu cá nhân có yêu cầu cơ quan giải quyết TTHC trả kết quả qua hệ thống bưu chính công ích thì đăng ký tại bước này (tổ chức, cá nhân thanh toán cước phí bưu điện theo quy định).

- Chuyển hồ sơ đến Phòng Quản lý vận tải, Phương tiện và người lái - Sở Giao thông vận tải giải quyết.

Bước 3. Giải quyết hồ sơ TTHC

Sở Giao thông vận tải tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra; Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, Sở Giao thông vận tải thực hiện gia hạn thời gian lưu hành cho phương tiện của các nước thực hiện Hiệp định GMS. Trường hợp không gia hạn, Sở Giao thông vận tải trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do.

Bước 4. Trả kết quả

Đến hẹn, cá nhân mang phiếu hẹn đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre (trong giờ hành chính) để nhận kết quả hoặc nhận kết quả trực tuyến hoặc nhận kết quả qua đường Bưu điện (nếu có nhu cầu).

6.2 Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre hoặc gửi hồ sơ qua đường bưu điện hoặc nộp trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh tại địa chỉ: <https://dichvucong.bentre.gov.vn> hoặc Cổng dịch vụ công Quốc gia tại địa chỉ <https://dichvucong.gov.vn/>.

6.3 Thành phần hồ sơ:

+ Giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam theo

mẫu^(*).

+ Giấy phép liên vận GMS hoặc sổ TAD (bản chính).

6.4 Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

6.5 Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.

6.6 Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

6.7 Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Sở Giao thông vận tải.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Giao thông vận tải.

6.8 Kết quả thực hiện TTHC: Gia hạn thời gian lưu hành *tại Việt Nam cho phương tiện của các nước thực hiện Hiệp định GMS.*

6.9 Phí, lệ phí: Không có.

6.10 Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai; mẫu kết quả giải quyết TTHC: Giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam.

6.11 Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

Phương tiện của các nước thực hiện Hiệp định GMS quá thời gian lưu hành tại Việt Nam quy định tại Giấy phép liên vận GMS hoặc sổ TAD trong trường hợp bất khả kháng.

6.12 Căn cứ pháp lý của TTHC:

Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ.

Ghi chú: Phần in nghiêng là nội dung được sửa đổi, bổ sung

^(*) Thành phần hồ sơ số hóa theo nhu cầu quản lý

Mẫu Giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Independence - Freedom – Happiness**

**GIẤY ĐỀ NGHỊ GIA HẠN THỜI GIAN LƯU HÀNH CỦA PHƯƠNG TIỆN
TẠI VIỆT NAM
REQUEST FOR EXTENSION OF VEHICLE OPERATION PERIOD IN VIET NAM**

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải Bến Tre

To: Department of Transport of Ben Tre

1. Người xin gia hạn (Applicant Name):
2. Địa chỉ (Address):
3. Số điện thoại (Telephone number): số Fax/ Địa chỉ Email (*Fax number/Email address*)
4. Đề nghị Sở Giao thông vận tải.....gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện vận tải sau: Kindly request Provincial Transport Department of..... to extend the operation period in Viet Nam for the following vehicle(s):
 - Biển số xe (Registration number):.....
 - Giấy phép liên vận GMS số (GMS Road Transport Permit number) ngày (on the date of).....(dd/mm/yyyy).
 - Ngày hết hạn của giấy phép (Expiry date of transport permit) (dd/mm/yyyy).
5. Lý do xin gia hạn (Reason for extension):
.....
.....

(Mô tả lý do không thể về nước theo quy định (describe the reason of inability to timely return to its Home country))

6. Đề nghị gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam trong thời gianngày, từ ngày đến ngày

Request for extension of vehicle operation period in Viet Nam in.....day(s), from until

7. Chúng tôi xin cam kết (*We commit*):

a) Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của nội dung giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam và các văn bản kèm theo (*To take full responsibility for the truthfulness and accuracy of the request for extension of vehicle operation period in Viet Nam and the attached documents*).

b) Chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam cũng như những quy định ghi trong các điều ước quốc tế về vận tải qua biên giới giữa Việt Nam và Campuchia (*To comply strictly with all provisions of Viet Nam's Laws as well as the provisions of international treaties between Viet Nam and Cambodia on cross- border transport*).

....., ngày ... tháng ... năm ...

Place,(dd/mm/yyyy)

Người xin gia hạn (Applicant Name)

(*Ký, ghi rõ họ và tên*)

(*Signature and full name*)

7. Thủ tục: Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào, Campuchia (Mã số: 1.002286 - Dịch vụ công trực tuyến toàn trình)

7.1 Trình tự thực hiện

Bước 1. Nộp hồ sơ TTHC:

Khi phương tiện của Lào, Campuchia lưu hành tại Việt Nam gặp sự cố bất khả kháng trên địa bàn tỉnh Bến Tre. Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào, Campuchia đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (địa chỉ: Số 126A, Nguyễn Thị Định, phường Phú Tân, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre) hoặc qua đường bưu điện. Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Từ thứ Hai đến thứ Sáu hàng tuần vào giờ hành chính (sáng 07 giờ đến 11 giờ, chiều 13 giờ đến 17 giờ) (trừ ngày lễ, tết) hoặc nộp trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh tại địa chỉ <https://dichvucong.bentre.gov.vn> hoặc Cổng dịch vụ công Quốc gia tại địa chỉ <https://dichvucong.gov.vn/>.

Bước 2. Nhận hồ sơ TTHC:

- Công chức làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ:

+ Nếu hồ sơ đầy đủ thì cấp giấy biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả theo thời gian quy định. Nếu cá nhân có yêu cầu cơ quan giải quyết TTHC trả kết quả qua hệ thống bưu chính công ích thì đăng ký tại bước này (tổ chức, cá nhân thanh toán cước phí bưu điện theo quy định);

+ Nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì trả lại ngay và hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện lại hồ sơ.

- Chuyển hồ sơ về Phòng Quản lý vận tải, phương tiện và người lái thuộc Sở Giao thông vận tải giải quyết theo thẩm quyền.

Bước 3. Giải quyết hồ sơ TTHC:

Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, Sở Giao thông vận tải thực hiện gia hạn thời gian lưu hành cho phương tiện của Lào, Campuchia. Sở Giao thông vận tải thực hiện việc gia hạn bằng văn bản hoặc gia hạn trong giấy phép liên vận. Trường hợp không gia hạn, Sở Giao thông vận tải trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do.

Bước 4. Trả kết quả: Đến hẹn, cá nhân mang phiếu hẹn đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre (trong giờ hành chính) để nhận kết quả hoặc nhận kết quả trực tuyến hoặc nhận kết quả qua đường Bưu điện (nếu có nhu cầu).

7.2 Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre (số 126A, Nguyễn Thị Định, phường Phú Tân, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre) hoặc gửi hồ sơ qua đường bưu điện hoặc nộp trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh tại địa chỉ: <https://dichvucong.bentre.gov.vn> hoặc Cổng dịch vụ công Quốc gia tại địa chỉ <https://dichvucong.gov.vn/>

7.3 Thành phần hồ sơ:

- Giấy đề nghị gia hạn *thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam* theo mẫu ^(*)

- Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia (bản chính).

7.4 Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

7.5 Thời gian giải quyết: Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.

7.6 Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

7.7 Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Sở Giao thông vận tải.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Giao thông vận tải.

7.8 Kết quả thực hiện TTHC: *Giấy gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào, Campuchia.*

7.9 Phí, lệ phí: Không có.

7.10 Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai; mẫu kết quả giải quyết TTHC:

Giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam

7.11 Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: *Phương tiện của Lào, Campuchia quá thời gian lưu hành tại Việt Nam quy định tại giấy phép liên vận trong trường hợp bất khả kháng được gia hạn 01 lần với thời gian không quá 10 ngày.*

7.12 Căn cứ pháp lý của TTHC

Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ.

Ghi chú: *Phần in nghiêng là nội dung được sửa đổi, bổ sung*

^(*) Thành phần hồ sơ số hóa theo nhu cầu quản lý

Mẫu Giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****Independence - Freedom - Happiness****GIẤY ĐỀ NGHỊ GIA HẠN THỜI GIAN LƯU HÀNH CỦA PHƯƠNG TIỆN TẠI VIỆT NAM
REQUEST FOR EXTENSION OF VEHICLE OPERATION PERIOD IN VIET NAM**

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải

To: Department of Transport of.....

1. Người xin gia hạn (Applicant Name):
2. Địa chỉ (Address):
3. Số điện thoại (Telephone number): số Fax (Fax number)
4. Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia số (Laos - Cambodia - Viet Nam vehicle cross-border transport permit No.): ngày (the date of)
5. Ngày hết hạn của Giấy phép liên vận (Expiry date of transport permit):....
6. Lý do xin gia hạn: (mô tả lý do không thể về nước theo quy định) (Reason for extension: describe the reason of inability to timely return to its Home Country)
7. Đề nghị gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam trong thời gian ngày, từ ngày đến ngày

Request for extension of vehicle operation period in Viet Nam in ...day(s), from until

8. Chúng tôi xin cam kết (We commit):

a) Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của nội dung giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam và các văn bản kèm theo (To take full responsibility for the truthfulness and accuracy of the request for extension of vehicle operation period in Viet Nam and the attached documents).

b) Chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam cũng như những quy định ghi trong các điều ước quốc tế về vận tải qua biên giới giữa Việt Nam, Lào và Campuchia (To comply strictly with all provisions of Viet Nam's Laws as well as the provisions of international treaties among Viet Nam, Laos and Cambodia on cross-border transport).

....., ngày ... tháng ... năm ...
Place,..... (dd/mm/yyyy)

Người xin gia hạn
(Applicant Name)

(Ký, ghi rõ họ và tên)
(Signature and full name)

8. Thủ tục: Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Trung Quốc (Mã số: 1.001737 - Dịch vụ công trực tuyến toàn trình)

8.1 Trình tự thực hiện

Bước 1. Nộp hồ sơ TTHC:

Tổ chức nộp hồ sơ cho Sở Giao thông vận tải nơi phương tiện đang lưu hành. Tại tỉnh Bến Tre, tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ qua Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (địa chỉ: Số 126A, Nguyễn Thị Định, phường Phú Tân, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre) hoặc qua đường bưu điện. Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Từ thứ Hai đến thứ Sáu hàng tuần vào giờ hành chính (sáng 07 giờ đến 11 giờ, chiều 13 giờ đến 17 giờ) (trừ ngày lễ, tết) hoặc nộp trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh tại địa chỉ <https://dichvucong.bentre.gov.vn> hoặc Cổng dịch vụ công Quốc gia tại địa chỉ <https://dichvucong.gov.vn/>.

Bước 2. Nhận hồ sơ TTHC:

- Công chức làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ:

+ Nếu hồ sơ đầy đủ thì cấp giấy biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả theo thời gian quy định. Nếu cá nhân có yêu cầu cơ quan giải quyết TTHC trả kết quả qua hệ thống bưu chính công ích thì đăng ký tại bước này (tổ chức, cá nhân thanh toán cước phí bưu điện theo quy định);

+ Nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì trả lại ngay và hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện lại hồ sơ.

- Chuyên hồ sơ về Phòng Quản lý vận tải, phương tiện và người lái thuộc Sở Giao thông vận tải giải quyết theo thẩm quyền.

Bước 3. Giải quyết hồ sơ TTHC:

Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, Sở Giao thông vận tải thực hiện gia hạn thời gian lưu hành cho phương tiện của Trung Quốc. Trường hợp không gia hạn, Sở Giao thông vận tải trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do.

Bước 4. Trả kết quả: Đến hẹn, cá nhân mang phiếu hẹn đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre (trong giờ hành chính) để nhận kết quả hoặc nhận kết quả trực tuyến hoặc nhận kết quả qua đường Bưu điện (nếu có nhu cầu).

8.2 Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre (số 126A, Nguyễn Thị Định, phường Phú Tân, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre) hoặc gửi hồ sơ qua đường bưu điện hoặc nộp trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh tại địa chỉ: <https://dichvucong.bentre.gov.vn> hoặc Cổng dịch vụ công Quốc gia tại địa chỉ <https://dichvucong.gov.vn/>

8.3 Thành phần hồ sơ:

- Giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam theo mẫu ^(*)

^(*) Thành phần hồ sơ số hóa theo nhu cầu quản lý

- Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Trung Quốc (bản chính).

8.4 Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

8.5 Thời gian giải quyết: Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ *hợp lệ* theo quy định.

8.6 Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức.

8.7 Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Sở Giao thông vận tải.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Giao thông vận tải.

8.8 Kết quả thực hiện TTHC: *Giấy gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Trung Quốc.*

8.9 Phí, lệ phí: Không có.

8.10 Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai; mẫu kết quả giải quyết TTHC:

Giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam.

8.11 Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: *Phương tiện của Trung Quốc quá thời gian lưu hành tại Việt Nam quy định tại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Trung Quốc nếu có lý do chính đáng được gia hạn 01 lần với thời hạn không quá 10 ngày.*

8.12 Căn cứ pháp lý của TTHC

Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ.

Ghi chú: *Phần in nghiêng là nội dung được sửa đổi, bổ sung*

Mẫu Giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Independence-Freedom-Happiness

GIẤY ĐỀ NGHỊ GIA HẠN THỜI GIAN LƯU HÀNH CỦA PHƯƠNG TIỆN TẠI VIỆT NAM
REQUEST FOR EXTENSION OF VEHICLE OPERATION PERIOD IN VIET NAM

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải Bến Tre
 To: Department of Transport of Ben Tre province

1. Người xin gia hạn (Applicant Name):
2. Địa chỉ (Address):
3. Số điện thoại (Telephone number): số Fax (Fax number)
4. Địa chỉ Email (Email address):
5. Giấy phép vận tải loại (Transport permit class...): ngày (the date of)
6. Ngày hết hạn của Giấy phép vận tải (Expiry date of transport permit):
7. Lý do xin gia hạn: (mô tả lý do không thể về nước theo quy định) (Reason for extension: describe the reason of inability to timely return to its Home Country)

8. Đề nghị gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam trong thời gianngày, từ ngàyđến ngày
 Request for extension of vehicle operation period in Viet Nam inday(s), from
until
9. Chúng tôi xin cam kết (We commit):
 - a) Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của nội dung giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam và các văn bản kèm theo (To take full responsibility for the truthfulness and accuracy of the request for extension of vehicle operation period in Viet Nam and the attached documents).
 - b) Chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam cũng như những quy định ghi trong các điều ước quốc tế về vận tải qua biên giới giữa Việt Nam và Trung Quốc (To comply strictly with all provisions of Viet Nam's Laws as well as the provisions of international treaties between Viet Nam and China on cross-border transport).

..., ngày ... tháng... năm...

Place,.....(dd/mm/yyyy)

Người xin gia hạn
(Applicant Name)

(Ký, ghi rõ họ và tên)

(Signature and full name)

9. Thủ tục: Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào (Mã số: 1.002063 - Dịch vụ công trực tuyến toàn trình)

9.1 Trình tự thực hiện

Bước 1. Nộp hồ sơ TTHC:

Khi phương tiện của Lào lưu hành tại Việt Nam gặp sự cố bất khả kháng trên địa bàn tỉnh Bến Tre. Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ xin Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (địa chỉ: Số 126A, Nguyễn Thị Định, phường Phú Tân, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre) hoặc qua đường bưu điện. Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Từ thứ Hai đến thứ Sáu hàng tuần vào giờ hành chính (sáng 07 giờ đến 11 giờ, chiều 13 giờ đến 17 giờ) (trừ ngày lễ, tết) hoặc nộp trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh tại địa chỉ <https://dichvucong.bentre.gov.vn> hoặc Cổng dịch vụ công Quốc gia tại địa chỉ <https://dichvucong.gov.vn/>.

Bước 2. Nhận hồ sơ TTHC:

- Công chức làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ:

+ Nếu hồ sơ đầy đủ thì cấp giấy biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả theo thời gian quy định. Nếu cá nhân có yêu cầu cơ quan giải quyết TTHC trả kết quả qua hệ thống bưu chính công ích thì đăng ký tại bước này (tổ chức, cá nhân thanh toán cước phí bưu điện theo quy định);

+ Nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì trả lại ngay và hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện lại hồ sơ.

- Chuyển hồ sơ về Phòng Quản lý vận tải, phương tiện và người lái thuộc Sở Giao thông vận tải giải quyết theo thẩm quyền.

Bước 3. Giải quyết hồ sơ TTHC: Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, Sở Giao thông vận tải thực hiện gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào. Sở Giao thông vận tải thực hiện việc gia hạn bằng văn bản hoặc gia hạn trong giấy phép liên vận. Trường hợp không gia hạn, Sở Giao thông vận tải trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do.

Bước 4. Trả kết quả: Đến hẹn, cá nhân mang phiếu hẹn đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre (trong giờ hành chính) để nhận kết quả hoặc nhận kết quả trực tuyến hoặc nhận kết quả qua đường Bưu điện (nếu có nhu cầu).

9.2 Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre (số 126A, Nguyễn Thị Định, phường Phú Tân, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre) hoặc gửi hồ sơ qua đường bưu điện hoặc nộp trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh tại địa chỉ: <https://dichvucong.bentre.gov.vn> hoặc Cổng dịch vụ công Quốc gia tại địa chỉ <https://dichvucong.gov.vn/>

9.3 Thành phần hồ sơ:

- Giấy đề nghị gia hạn theo mẫu ^(*)
- Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào (bản chính).

9.4 Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

9.5 Thời gian giải quyết: Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ *hợp lệ* theo quy định.

9.6 Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

9.7 Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Sở Giao thông vận tải.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Giao thông vận tải.

9.8 Kết quả thực hiện TTHC:

Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào.

9.9 Phí, lệ phí: Không có.

9.10 Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai; mẫu kết quả giải quyết TTHC:

Giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam.

9.11 Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: *Phương tiện của Lào quá thời gian lưu hành tại Việt Nam quy định tại giấy phép liên vận trong trường hợp bất khả kháng thì được gia hạn 01 lần với thời gian không quá 10 ngày.*

9.12 Căn cứ pháp lý của TTHC

Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ.

Ghi chú: *Phần in nghiêng là nội dung được sửa đổi, bổ sung*

^(*) Thành phần hồ sơ số hóa theo nhu cầu quản lý

Mẫu Giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****Independence-Freedom-Happiness****GIẤY ĐỀ NGHỊ GIA HẠN THỜI GIAN LƯU HÀNH CỦA PHƯƠNG TIỆN TẠI VIỆT NAM
REQUEST FOR EXTENSION OF VEHICLE OPERATION PERIOD IN VIET NAM**

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải Bến Tre
To: Department of Transport of Ben Tre province

1. Người xin gia hạn (Applicant Name):
 2. Địa chỉ (Address):
 3. Số điện thoại (Telephone number): số Fax (Fax number)
 4. Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào số (Laos - Viet Nam vehicle cross-border transport permit No.): ngày (the date of)
 5. Ngày hết hạn của Giấy phép liên vận (Expiry date of transport permit):....
 6. Lý do xin gia hạn: (mô tả lý do không thể về nước theo quy định) (Reason for extension: describe the reason of inability to timely return to its Home Country)...
 7. Đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam trong thời gian ngày, từ ngày ... đến ngày
- Request for extension of vehicle operation period in Viet Nam in ...day(s), from until
8. Chúng tôi xin cam kết (We commit):
 - a) Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của nội dung giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam và các văn bản kèm theo (To take full responsibility for the truthfulness and accuracy of the request for extension of vehicle operation period in Viet Nam and the attached documents).
 - b) Chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam cũng như những quy định ghi trong các điều ước quốc tế về vận tải qua biên giới giữa Việt Nam và Lào (To comply strictly with all provisions of Viet Nam's Laws as well as the provisions of international treaties between Viet Nam and Laos on cross-border transport).

..., ngày ... tháng... năm...

Place,.....(dd/mm/yyyy)

Người xin gia hạn

(Applicant Name)

(Ký, ghi rõ họ và tên)

(Signature and full name)

10. Thủ tục: Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Campuchia (Mã số: 1.001577 - Dịch vụ công trực tuyến toàn trình)

10.1 Trình tự thực hiện

Bước 1. Nộp hồ sơ TTHC:

Khi phương tiện của Campuchia lưu hành tại Việt Nam gặp sự cố bất khả kháng trên địa bàn tỉnh Bến Tre. Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Campuchia đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (địa chỉ: Số 126A, Nguyễn Thị Định, phường Phú Tân, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre) hoặc qua đường bưu điện. Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Từ thứ Hai đến thứ Sáu hàng tuần vào giờ hành chính (sáng 07 giờ đến 11 giờ, chiều 13 giờ đến 17 giờ) (trừ ngày lễ, tết) hoặc nộp trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh tại địa chỉ <https://dichvucong.bentre.gov.vn> hoặc Cổng dịch vụ công Quốc gia tại địa chỉ <https://dichvucong.gov.vn/>.

Bước 2. Nhận hồ sơ TTHC:

- Công chức làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ:

+ Nếu hồ sơ đầy đủ thì cấp giấy biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả theo thời gian quy định. Nếu cá nhân có yêu cầu cơ quan giải quyết TTHC trả kết quả qua hệ thống bưu chính công ích thì đăng ký tại bước này (tổ chức, cá nhân thanh toán cước phí bưu điện theo quy định);

+ Nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì trả lại ngay và hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện lại hồ sơ.

- Chuyển hồ sơ về Phòng Quản lý vận tải, phương tiện và người lái thuộc Sở Giao thông vận tải giải quyết theo thẩm quyền.

Bước 3. Giải quyết hồ sơ TTHC: Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, Sở Giao thông vận tải thực hiện gia hạn thời gian lưu hành cho phương tiện của Campuchia. *Sở Giao thông vận tải thực hiện việc gia hạn bằng văn bản hoặc gia hạn trong giấy phép liên vận.* Trường hợp không gia hạn, Sở Giao thông vận tải trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do.

Bước 4. Trả kết quả: Đến hẹn, cá nhân mang phiếu hẹn đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre (trong giờ hành chính) để nhận kết quả hoặc nhận kết quả trực tuyến hoặc nhận kết quả qua đường Bưu điện (nếu có nhu cầu).

10.2 Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre (số 126A, Nguyễn Thị Định, phường Phú Tân, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre) hoặc gửi hồ sơ qua đường bưu điện hoặc nộp trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh tại địa chỉ: <https://dichvucong.bentre.gov.vn> hoặc Cổng dịch vụ công Quốc gia tại địa chỉ <https://dichvucong.gov.vn/>.

10.3 Thành phần hồ sơ:

- Giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam theo mẫu^(*).

- Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia (bản chính).

10.4 Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

10.5 Thời gian giải quyết: Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.

10.6 Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

10.7 Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Sở Giao thông vận tải.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Giao thông vận tải.

10.8 Kết quả thực hiện TTHC: *Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Campuchia.*

10.9 Phí, lệ phí: Không có.

10.10 Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai; mẫu kết quả giải quyết TTHC:

Giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam

10.11 Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: *Phương tiện của Campuchia quá thời gian lưu hành tại Việt Nam quy định tại giấy phép liên vận trong trường hợp bất khả kháng thì được gia hạn và mỗi lần gia hạn không quá 10 ngày.*

10.12 Căn cứ pháp lý của TTHC

Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ.

Ghi chú: *Phần in nghiêng là nội dung được sửa đổi, bổ sung*

^(*) Thành phần hồ sơ số hóa theo nhu cầu quản lý

Mẫu Giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****Independence - Freedom - Happiness****GIẤY ĐỀ NGHỊ GIA HẠN THỜI GIAN LƯU HÀNH CỦA PHƯƠNG TIỆN TẠI VIỆT NAM****REQUEST FOR EXTENSION OF VEHICLE OPERATION PERIOD IN VIET NAM**

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải

To: Department of Transport of.....

1. Người xin gia hạn (Applicant Name):
2. Địa chỉ (Address):
3. Số điện thoại (Telephone number): số Fax (Fax number)
4. Địa chỉ Email (Email address):
5. Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia số (Cambodia - Viet Nam vehicle cross-border transport permit No.):ngày (the date of)
6. Ngày hết hạn của Giấy phép liên vận (Expiry date of transport pennit):
7. Lý do xin gia hạn: (mô tả lý do không thể về nước theo quy định) (Reason for extension: describe the reason of inability to timely return to its Home Country)
8. Đề nghị gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam trong thời gian ngày, từ ngày đến ngày

Request for extension of vehicle operation period in Viet Nam in ...day(s), from until

9. Chúng tôi xin cam kết (*We commit*):

a) Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của nội dung giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam và các văn bản kèm theo (*To take full responsibility for the truthfulness and accuracy of the request for extension of vehicle operation period in Viet Nam and the attached documents*).

b) Chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam cũng như những quy định ghi trong các điều ước quốc tế về vận tải qua biên giới giữa Việt Nam và Campuchia (*To comply strictly with all provisions of Viet Nam's Laws as well as the provisions of international treaties between Viet Nam and Cambodia on cross-border transport*).

....., ngày ... tháng ... năm ...

Place, (dd/mm/yyyy)

Người xin gia hạn**(Applicant Name)***(Ký, ghi rõ họ và tên)**(Signature and full name)*

II. NỘI DUNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC THAY THẾ LĨNH VỰC ĐƯỜNG BỘ

1. Thủ tục: Cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia (Mã số: 1.002877 - Dịch vụ công trực tuyến một phần)

1.1 Trình tự thực hiện

Bước 1. Nộp hồ sơ TTHC:

Tổ chức, cá nhân, đơn vị kinh doanh vận tải nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia cho phương tiện vận tải hành khách tuyến cố định, phương tiện phi thương mại của các tổ chức, cá nhân đóng trên địa bàn tỉnh Bến Tre đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (địa chỉ: Số 126A, Nguyễn Thị Định, phường Phú Tân, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre) hoặc qua đường bưu điện. Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Từ thứ Hai đến thứ Sáu hàng tuần vào giờ hành chính (sáng 07 giờ đến 11 giờ, chiều 13 giờ đến 17 giờ) (trừ ngày lễ, tết) hoặc nộp trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh tại địa chỉ <https://dichvucong.bentre.gov.vn> hoặc Cổng dịch vụ công Quốc gia tại địa chỉ <https://dichvucong.gov.vn/>.

Bước 2. Nhận hồ sơ TTHC:

- Công chức làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ:

+ Trường hợp tiếp nhận hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu chính, cán bộ tiếp nhận hồ sơ cập nhật thông tin của các hồ sơ đúng theo quy định vào hệ thống dịch vụ công trực tuyến.

+ Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, Sở Giao thông vận tải thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản hoặc thông báo qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến những nội dung chưa đầy đủ hoặc cần sửa đổi đến tổ chức, cá nhân, đơn vị kinh doanh vận tải trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ. Nếu cá nhân có yêu cầu cơ quan giải quyết TTHC trả kết quả qua hệ thống bưu chính công ích thì đăng ký tại bước này (tổ chức, cá nhân thanh toán cước phí bưu điện theo quy định);

- Chuyển hồ sơ về Phòng Quản lý vận tải, phương tiện và người lái thuộc Sở Giao thông vận tải giải quyết theo thẩm quyền.

Bước 1. Giải quyết hồ sơ TTHC: Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, Sở Giao thông vận tải cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia. Trường hợp không cấp, Sở Giao thông vận tải thông báo bằng văn bản hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến và nêu rõ lý do.

Bước 4. Trả kết quả: Đến hẹn, tổ chức hoặc cá nhân mang phiếu hẹn đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre (trong giờ hành chính) để nhận kết quả hoặc nhận kết quả trực tuyến hoặc nhận kết quả qua đường Bưu điện (nếu có nhu cầu).

1.2 Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre hoặc gửi hồ sơ qua đường bưu điện hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh tại địa chỉ: <https://dichvucong.bentre.gov.vn> hoặc Cổng dịch vụ công Quốc gia tại địa chỉ <https://dichvucong.gov.vn/>.

1.3 Thành phần hồ sơ:

** Trường hợp cấp; cấp lại khi Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia hết thời hạn sử dụng hoặc còn thời hạn sử dụng nhưng hết trang đóng dấu xác nhận của các cơ quan quản lý tại cửa khẩu*

- Thành phần hồ sơ đối với phương tiện phi thương mại:

+ Giấy đề nghị cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia cho phương tiện phi thương mại theo mẫu^(*);

+ Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô (Bản sao hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc để đối chiếu). Trường hợp phương tiện không thuộc sở hữu của tổ chức, cá nhân thì phải kèm theo tài liệu chứng minh quyền sử dụng hợp pháp của tổ chức, cá nhân với phương tiện đó (Bản sao hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc bản chính để đối chiếu)^(*);

+ Đối với doanh nghiệp thực hiện công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh trên lãnh thổ Lào hoặc Campuchia thì kèm theo hợp đồng hoặc tài liệu chứng minh doanh nghiệp đang thực hiện công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh, trên lãnh thổ Lào, Campuchia (Bản sao hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu; bản dịch Hợp đồng ra tiếng Việt được chứng thực hoặc chứng nhận bởi cơ quan Công chứng đối với trường hợp hợp đồng bằng tiếng nước ngoài)^(*).

** Trường hợp cấp lại khi Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia bị hư hỏng, bị mất*

- Thành phần hồ sơ đối với phương tiện thương mại: Giấy đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia cho phương tiện thương mại theo mẫu^(*).

- Thành phần hồ sơ đối với phương tiện phi thương mại: Giấy đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia cho phương tiện phi thương mại theo mẫu^(*).

1.4 Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

1.5 Thời gian giải quyết: Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.

^(*) Thành phần hồ sơ số hóa theo nhu cầu quản lý

1.6 Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

1.7 Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Sở Giao thông vận tải.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Giao thông vận tải.

1.8 Kết quả thực hiện TTHC:

Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia.

1.9 Phí, lệ phí: Không có.

1.10 Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai; mẫu kết quả giải quyết TTHC:

- Giấy đề nghị cấp, cấp lại giấy phép Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia cho phương tiện phi thương mại;
- Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia cho phương tiện phi thương mại.

1.11 Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:



- Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia được cấp cho phương tiện của các tổ chức, cá nhân, đơn vị kinh doanh vận tải đáp ứng các điều kiện theo quy định pháp luật về hoạt động vận tải đường bộ giữa Việt Nam, Lào và Campuchia.

- Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia được cấp lại trong trường hợp hết thời hạn sử dụng hoặc còn thời hạn sử dụng nhưng hết trang đóng dấu xác nhận của các cơ quan quản lý tại cửa khẩu hoặc bị hư hỏng, bị mất.

1.12 Căn cứ pháp lý của TTHC

Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ.

Mẫu Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia cho phương tiện phi thương mại

<div style="text-align: center;">  <p>CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc Independence - Freedom - Happiness ***</p> <p>GIẤY PHÉP LIÊN VẬN GIỮA VIỆT NAM, LÀO VÀ CAMPUCHIA VIET NAM - LAOS - CAMBODIA VEHICLE CROSS - BORDER TRANSPORT PERMIT PHƯƠNG TIỆN PHI THƯƠNG MẠI NON COMMERCIAL VEHICLE</p> <p>Mặt bìa trước/ Cover</p> </div>	<div style="text-align: center;"> <p>Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam Socialist Republic of Viet Nam</p> <p>Bộ Giao thông vận tải Việt Nam đề nghị các cơ quan hữu quan cho phép phương tiện này đi lại dễ dàng và hỗ trợ khi cần thiết</p> <p>The Ministry of Transport of Viet Nam requests relevant agencies to allow the vehicles to operate conveniently and to render the vehicle any assistance as necessary</p> <p>Mặt sau/Back side</p> </div>
<div style="text-align: center;">  <p>Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam Socialist Republic of Viet Nam</p> <p>GIẤY PHÉP LIÊN VẬN GIỮA VIỆT NAM, LÀO VÀ CAMPUCHIA VIET NAM - LAOS - CAMBODIA VEHICLE CROSS - BORDER TRANSPORT PERMIT (CLV - CBT PERMIT)</p> <p>Số giấy phép (Permit number)..... Ngày cấp (Issuing date): Thời hạn (Period of validity): Từ (from).....đến (until).....(dd/mm/yyyy) Cơ quan cấp (Issuing Authority) (Ký tên và đóng dấu) (Signature, Stamp)</p> <p align="center">Page 1</p> </div>	<div style="text-align: center;"> <p>Chi tiết về tổ chức/cá nhân Details of Organization/Individual</p> <p>1. Tên tổ chức/cá nhân (Organization/Individual Name)..... Địa chỉ (Address): Điện thoại (Telephone number): Số Fax (Fax number):</p> <p>2. Tên chủ phương tiện (Vehicle Owner):..... Địa chỉ (Address): Tel: Fax:</p> <p>Thông tin cơ bản về phương tiện General data of the vehicle</p> <p>1. Số đăng ký phương tiện (Registration number):</p> <p>2. Thông số kỹ thuật (Specifications):..... - Năm sản xuất (Manufacture year):..... - Nhãn hiệu (Brand/ Trademark): - Loại xe (Model):..... <input type="checkbox"/>Xe tải (Truck) <input type="checkbox"/>Xe khách (Bus) <input type="checkbox"/>Khác (Other) - Màu sơn (Colour): - Số máy (Engine number): - Số khung (Chassis No.):.....</p> <p align="center">Page 2</p> </div>

<p style="text-align: center;">GHI CHÚ NOTICES</p> <p style="text-align: center;">Cửa khẩu, Vùng/tuyến hoạt động Border gate, Operation areas/routes</p> <p>Cửa khẩu (Border gate):</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>Vùng/tuyến hoạt động (Operation areas/routes):</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>Các ghi chú khác (other notices):.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p style="text-align: center;">Page 3</p>	<p style="text-align: center;">GIA HẠN EXTENTION</p> <p>Được phép gia hạn 1 lần không quá 10 ngày (be extended one time and not exceed 10 days)</p> <p>Gia hạn đến.....</p> <p>Extended until.....(dd/mm/yyyy)</p> <p>Ngày cấp</p> <p>Issuing date.....</p> <p>Cơ quan cấp (Issuing Authority) (Ký tên và đóng dấu) (Signature, Stamp)</p> <p style="text-align: center;">Page 4</p>		
BIÊN PHÒNG - HẢI QUAN FOR CUSTOMS - BORDER GUARDS			
HẢI QUAN (CUSTOMS)	BIÊN PHÒNG (BORDER GUARDS)		
Ngày xuất cảnh Exit date	Ngày nhập cảnh Re-entry date	Ngày xuất cảnh Exit date	Ngày nhập cảnh Re-entry date
Page 5		Next Pages	

Hướng dẫn (Instruction)	Ghi chú (notices)
<p>1. Khi sổ bị mất hoặc không đọc được vì bất cứ nguyên nhân gì, người giữ giấy phép phải yêu cầu cấp giấy phép mới tại cơ quan có thẩm quyền cấp phép.</p> <p>When this book get lost or illegible for any reasons, the holder should request the competent authority to re-issue.</p> <p>2. Sổ này phải xuất trình cho cơ quan có thẩm quyền khi được yêu cầu.</p> <p>This book shall be presented to the competent authorities upon request.</p> <p>3. Sổ này chỉ sử dụng cho phương tiện đã được ghi trong giấy và phải được gia hạn trước ngày hết hạn.</p> <p>This book shall be used for the specified vehicle only and shall be extended before the expiry date.</p>	<p>Khổ giấy rộng: 11 cm, dài 15 cm.</p> <p>Page size 11 cm x 15 cm.</p> <p>Bìa màu đỏ, từ 50 - 100 trang dùng để cấp cho phương tiện thương mại.</p> <p>Red cover (50 - 100 pages) used for commercial vehicles.</p> <p>Bìa màu hồng, từ 10 - 20 trang dùng để cấp cho phương tiện phi thương mại.</p> <p>Pink cover (10 - 20 pages) used for non commercial vehicles.</p>

Mẫu phù hiệu Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia

No.....

VIET NAM
CLV- CBT BOARD

(Company):(Competent Authorities)

Ghi chú: Kích thước 115 mm x 210 mm, nền trắng.**Ký hiệu phân biệt quốc gia***Ghi chú:* Chữ hoa La-tinh, chữ có chiều cao 80 mm, nét chữ có bề rộng 10 mm, các chữ có màu đen trên một biển nền trắng có dạng hình e-lip với trục chính nằm ngang.

2. Thủ tục: Cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia (Mã số: 1.001023 - Dịch vụ công trực tuyến toàn trình)

2.1. Trình tự thực hiện

Bước 1. Nộp hồ sơ TTHC:

Tổ chức, cá nhân, đơn vị kinh doanh vận tải nộp hồ sơ cấp giấy phép liên vận cho phương tiện phi thương mại của các cơ quan, tổ chức, cá nhân đóng trên địa bàn tỉnh Bến Tre đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (địa chỉ: Số 126A, Nguyễn Thị Định, phường Phú Tân, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre) hoặc qua đường bưu điện. Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Từ thứ Hai đến thứ Sáu hàng tuần vào giờ hành chính (sáng 07 giờ đến 11 giờ, chiều 13 giờ đến 17 giờ) (trừ ngày lễ, tết) hoặc nộp trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh tại địa chỉ <https://dichvucong.bentre.gov.vn> hoặc Cổng dịch vụ công Quốc gia tại địa chỉ <https://dichvucong.gov.vn/>.

Bước 2. Nhận hồ sơ TTHC:

- Công chức làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ:

+ Trường hợp tiếp nhận hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu chính, cán bộ tiếp nhận hồ sơ cập nhật thông tin của các hồ sơ đúng theo quy định vào hệ thống dịch vụ công trực tuyến. Nếu cá nhân có yêu cầu cơ quan giải quyết TTHC trả kết quả qua hệ thống bưu chính công ích thì đăng ký tại bước này (tổ chức, cá nhân thanh toán cước phí bưu điện theo quy định);

+ Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, Sở Giao thông vận tải thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến cho tổ chức, cá nhân, đơn vị kinh doanh vận tải trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ.

- Chuyển hồ sơ về Phòng Quản lý vận tải, phương tiện và người lái thuộc Sở Giao thông vận tải giải quyết theo thẩm quyền.

Bước 3. Giải quyết hồ sơ TTHC: Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, Sở Giao thông vận tải thực hiện cấp giấy phép. Trường hợp không cấp, Sở Giao thông vận tải thông báo bằng văn bản hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến và nêu rõ lý do.

Bước 4. Trả kết quả: Đến hẹn, tổ chức hoặc cá nhân mang phiếu hẹn đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre (trong giờ hành chính) để nhận kết quả hoặc nhận kết quả trực tuyến hoặc nhận kết quả qua đường Bưu điện (nếu có nhu cầu).

2.2. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre (số 126A, Nguyễn Thị Định, phường Phú Tân, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre) hoặc gửi qua đường bưu điện hoặc nộp trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh tại địa chỉ: <https://dichvucong.bentre.gov.vn> hoặc Cổng dịch vụ công Quốc gia tại địa chỉ <https://dichvucong.gov.vn/>

2.3. Thành phần hồ sơ:

* Trường hợp cấp; cấp lại khi Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào hết thời hạn sử dụng hoặc còn thời hạn sử dụng nhưng hết trang đóng dấu xác nhận của các cơ quan quản lý tại cửa khẩu

- Đối với phương tiện phi thương mại gồm:

- Giấy đề nghị cấp giấy phép theo mẫu^(*);

- Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô hoặc giấy hẹn nhận giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô của cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô (Bản sao hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc). Trường hợp phương tiện không thuộc quyền sở hữu của tổ chức, cá nhân phải xuất trình thêm bản sao hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc hợp đồng thuê phương tiện;

- Bản sao hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc quyết định cử đi công tác của cơ quan có thẩm quyền đối với xe công vụ.

* Trường hợp cấp lại khi bị hư hỏng, bị mất

Giấy đề nghị cấp, cấp lại giấy phép theo mẫu^(*).

2.4. Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

2.5. Thời gian giải quyết: Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

2.6. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

2.7. Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Sở Giao thông vận tải.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Giao thông vận tải.

2.8. Kết quả thực hiện TTHC: Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia.

2.9. Phí, lệ phí: Không có.

2.10. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai; mẫu kết quả giải quyết TTHC:

- Giấy đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia cho phương tiện phi thương mại.

- Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia.

2.11. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

^(*) Thành phần hồ sơ số hóa theo nhu cầu quản lý

- Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia được cấp cho phương tiện của các tổ chức, cá nhân, đơn vị kinh doanh vận tải đáp ứng các điều kiện theo quy định pháp luật về hoạt động vận tải đường bộ giữa Việt Nam và Campuchia.

- Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia được cấp lại trong trường hợp hết thời hạn sử dụng hoặc còn thời hạn sử dụng nhưng hết trang đóng dấu xác nhận của các cơ quan quản lý tại cửa khẩu hoặc bị hư hỏng, bị mất.

2.12. Căn cứ pháp lý của TTHC

Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ.

Mẫu Giấy đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia cho phương tiện phi thương mại

TÊN TỔ CHỨC/CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ
CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP LIÊN VẬN GIỮA VIỆT NAM VÀ CAMPUCHIA

Kính gửi:

1. Tên tổ chức/cá nhân:
2. Địa chỉ:
3. Số điện thoại: Số Fax/Địa chỉ email:
4. Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Campuchia (đối với đơn vị kinh doanh vận tải) số: ngày cấp:
5. Đề nghị cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia cho phương tiện vận tải sau:


Số TT	Biển số xe	Trọng tải (ghế)	Năm sản xuất	Nhãn hiệu	Số khung	Số máy	Màu sơn	Thời gian đề nghị cấp phép	Cửa khẩu xuất - nhập
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1									
2									
3									

....., ngày ... tháng ... năm ...

Tổ chức/Cá nhân
(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

Mẫu Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia cho phương tiện phi thương mại

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM**



**GIẤY PHÉP LIÊN VẬN GIỮA
VIỆT NAM VÀ CAMPUCHIA**

**VIET NAM - CAMBODIA
VEHICLE CROSS-BORDER
TRANSPORT PERMIT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM**

**Bộ Giao thông vận tải Việt Nam đề nghị
các cơ quan hữu quan cho phép phương
tiện này đi lại dễ dàng và hỗ trợ khi cần thiết**

**The Ministry of Transport of Viet Nam
requests relevant agencies to allow the vehicles
to operate conveniently and to render the
vehicle any assistance as necessary**

**Bộ Giao thông vận tải Việt Nam
Ministry of Transport of Viet Nam**

**GIẤY PHÉP LIÊN VẬN GIỮA
VIỆT NAM VÀ CAMPUCHIA**

**VIET NAM – CAMBODIA VEHICLE
CROSS - BORDER
TRANSPORT PERMIT**

**Phương tiện phi thương mại
Non - commercial vehicle**

**Thông tin cơ bản về phương tiện
General data of the vehicle**

1. Số đăng ký phương tiện (Registration number)
.....

2. Thông số kỹ thuật (Specifications)
.....

- Năm sản xuất (Manufacture year):
.....

- Nhân hiệu (Brand/Trademark):
.....

- Loại xe (Model):
.....

- Màu sơn (Colour):
.....

- Số máy (Engine No.):
.....

- Số khung (Chassis No.):
.....

- Trọng tải (Gross weight):
.....

Trang 1
Page 1

Chi tiết về Cơ quan được cấp giấy phép liên vận
Details of Organization granted transport permit

Tên cơ quan/đơn vị (Organization name):

.....

Địa chỉ (Address):

.....

Điện thoại (Telephone number):

Số Fax (Fax number):

Mục đích chuyến đi (Purpose of the trip):

.....

Số giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và
 Campuchia (đối với đơn vị kinh doanh vận tải) (Viet
 Nam - Cambodia cross-border Transport Permit No. for
 Transport Operator):.....

Ngày phát hành (Issuing date):.....

Trang 2

Page 2

GHI CHÚ
NOTICES

Giấy phép này có giá trị tối đa 30 ngày
 This book is valid for 30 days

Từ ngày (From)(dd/mm/yyyy)

Đến ngày (until)(dd/mm/yyyy)

Cửa khẩu, Vùng/tuyến hoạt động, Nơi đến
 Border gate, Operation areas/routes, Destination

Cửa khẩu (Border gate):

.....

Vùng/tuyến hoạt động (Operation areas/routes):

.....

.....

Nơi đến (Destination):

.....

Ngày cấp (Date of issue):

Cơ quan cấp phép
 Issuing Authority
 (Signature, stamp)

Trang 3

Page 3

HẢI QUAN - BIÊN PHÒNG
FOR CUSTOMS - BORDER GUARDS

HẢI QUAN (CUSTOMS)		BIÊN PHÒNG (BORDER GUARDS)	
Ngày đi Exit date	Ngày về Re-entry date	Ngày đi Exit date	Ngày về Re-entry date

Trang tiếp theo

HẢI QUAN - BIÊN PHÒNG
FOR CUSTOMS - BORDER GUARDS

HẢI QUAN (CUSTOMS)		BIÊN PHÒNG (BORDER GUARDS)	
Ngày đi Exit date	Ngày về Re-entry date	Ngày đi Exit date	Ngày về Re-entry date

HẢI QUAN - BIÊN PHÒNG
FOR CUSTOMS - BORDER GUARDS

HẢI QUAN (CUSTOMS)		BIÊN PHÒNG (BORDER GUARDS)	
Ngày đi Exit date	Ngày về Re-entry date	Ngày đi Exit date	Ngày về Re-entry date

Hướng dẫn (Instruction)

1. Sổ giấy phép này bao gồm 10 trang không bao gồm bìa.

This permit contains 10 pages excluding the covers.

2. Khi giấy phép bị mất hoặc không đọc được vì bất cứ nguyên nhân gì, người giữ giấy phép phải yêu cầu cấp giấy phép mới tại cơ quan có thẩm quyền cấp phép.

When this permit get lost or illegible for any reasons, the holder should request the competent authority to re-issue.

3. Giấy phép này phải xuất trình cho cơ quan có thẩm quyền khi được yêu cầu.

This permit shall be presented to the competent authorities upon request.

4. Giấy phép này chỉ sử dụng cho phương tiện đã được ghi trong giấy và phải được gia hạn trước ngày hết hạn một tháng.

This permit shall be used for the specified vehicle only and shall be extended one month before the expiry date.

Hướng dẫn (Instruction)	Ghi chú (Notices):
<p>1. Sổ giấy phép này bao gồm 10 trang không bao gồm bìa. This permit contains 10 pages excluding the covers.</p> <p>2. Khi giấy phép bị mất hoặc không đọc được vì bất cứ nguyên nhân gì, người giữ giấy phép phải yêu cầu cấp giấy phép mới tại cơ quan có thẩm quyền cấp phép. When this permit get lost or illegible for any reasons, the holder should request the competent authority to re-issue.</p> <p>3. Giấy phép này phải xuất trình cho cơ quan có thẩm quyền khi được yêu cầu. This permit shall be presented to the competent authorities upon request.</p> <p>4. Giấy phép này chỉ sử dụng cho phương tiện đã được ghi trong giấy. This permit shall be used for the specified vehicle only.</p>	<p>Khổ giấy rộng: 105 mm, dài 150 mm</p> <p>Page size: 105 mm x 150 mm</p> <p>Loại bìa màu hồng cấp cho xe phi thương mại</p> <p>Pink cover used for non-commercial vehicle</p>

Mẫu phù hiệu liên vận giữa Việt Nam và Campuchia

Số/Number:

**PHÙ HIỆU GIẤY PHÉP LIÊN VẬN GIỮA VIỆT NAM VÀ CAMPUCHIA
STICKER
VIET NAM - CAMBODIA VEHICLE CROSS - BORDER TRANSPORT PERMIT**

Đơn vị kinh doanh vận tải/Transport Operator Name:

.....

Cơ quan Cấp/Issuing authority

(Ký tên, đóng dấu/Signature,
Stamp)

Số đăng ký/Registration Number:

.....

Thời hạn/Period of Validity: từ/from..... đến/until

Cửa khẩu vào/Entry point:

Cửa khẩu ra/Exit point:

Tuyến đường/Route:

.....

Ghi chú: Kích thước 115 mm x 210 mm, nền trắng chữ đỏ, khung viền màu đỏ.**Ký hiệu phân biệt quốc gia***Ghi chú:* Chữ hoa La-tinh, chữ có chiều cao 80 mm, nét chữ có bề rộng 10 mm, các chữ có màu đen trên một biển nền trắng có dạng hình e-líp với trục chính nằm ngang.

3. Thủ tục: Cấp, cấp lại Phù hiệu cho xe ô tô, xe bốn bánh có gắn động cơ kinh doanh vận tải (Mã số: 2.002288 - Dịch vụ công trực tuyến toàn trình)

3.1 Trình tự thực hiện

Bước 1. Nộp hồ sơ TTHC:

- Đơn vị kinh doanh vận tải gửi hồ sơ đề nghị cấp (cấp lại) phù hiệu đến Sở Giao thông vận tải nơi đã cấp Giấy phép kinh doanh cho đơn vị qua Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (địa chỉ: Số 126A, Nguyễn Thị Định, phường Phú Tân, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre) hoặc qua đường bưu điện. Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Từ thứ Hai đến thứ Sáu hàng tuần vào giờ hành chính (sáng 07 giờ đến 11 giờ, chiều 13 giờ đến 17 giờ) (trừ ngày lễ, tết) hoặc nộp trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh tại địa chỉ <https://dichvucong.bentre.gov.vn> hoặc Cổng dịch vụ công Quốc gia tại địa chỉ <https://dichvucong.gov.vn/>.

- Trường hợp đơn vị kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định có nhu cầu sử dụng xe trung chuyên nộp hồ sơ đề nghị cấp phù hiệu "XE TRUNG CHUYÊN" đến Sở Giao thông vận tải nơi cấp Giấy phép kinh doanh cho đơn vị hoặc Sở Giao thông vận tải đầu tuyến bên kia.

Bước 2. Nhận hồ sơ TTHC:

- Công chức làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ:

+ Nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì trả lại ngay và hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện lại hồ sơ.

+ Nếu hồ sơ đầy đủ thì cấp giấy biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả theo thời hạn quy định. Nếu tổ chức, cá nhân có yêu cầu cơ quan giải quyết TTHC trả kết quả qua hệ thống bưu chính công ích thì đăng ký tại bước này (tổ chức, cá nhân thanh toán cước phí bưu điện theo quy định).

- Trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến: Nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì yêu cầu bổ sung (nội dung cần bổ sung thông báo trên trang thông tin điện tử dịch vụ công trực tuyến). Nếu hồ sơ đầy đủ thì thông báo tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả trên trang thông tin điện tử dịch vụ công trực tuyến.

- Trường hợp tiếp nhận hồ sơ trực tiếp tại cơ quan cấp hoặc qua đường bưu điện, cán bộ tiếp nhận hồ sơ cập nhật thông tin của các hồ sơ đúng theo quy định vào hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Giao thông vận tải.

- Chuyển hồ sơ về Phòng Quản lý vận tải, phương tiện và người lái thuộc Sở Giao thông vận tải giải quyết theo thẩm quyền.

Bước 3. Giải quyết hồ sơ TTHC:

- Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, Sở Giao thông vận tải thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản hoặc thông báo qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến những nội dung cần bổ sung hoặc sửa đổi đến đơn vị kinh doanh vận tải trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ. Trường hợp gửi hồ sơ trực tuyến,

đơn vị kinh doanh vận tải phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các thông tin đã đăng ký đề nghị cấp phù hiệu.

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ đúng quy định, Sở Giao thông vận tải cấp phù hiệu cho các xe theo đề nghị của đơn vị kinh doanh vận tải và cập nhật các phù hiệu đã cấp vào Cơ sở dữ liệu cấp phép hoạt động vận tải. Trường hợp từ chối không cấp, Sở Giao thông vận tải trả lời bằng văn bản hoặc trả lời thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến và nêu rõ lý do.

- Sở Giao thông vận tải thực hiện việc xử lý hồ sơ và cấp phù hiệu trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Giao thông vận tải và cập nhật kết quả cấp phép vào Cơ sở dữ liệu cấp phép hoạt động vận tải;

- Sở Giao thông vận tải kiểm tra thông tin về Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với các xe ô tô để đảm bảo phương tiện đủ điều kiện kinh doanh vận tải trên hệ thống Đăng kiểm Việt Nam;

Bước 4. Trả kết quả: Đến hẹn, cá nhân mang phiếu hẹn đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre (trong giờ hành chính) để nhận kết quả hoặc nhận kết quả trực tuyến hoặc nhận kết quả qua đường Bưu điện (nếu có nhu cầu).

3.2 Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre hoặc gửi hồ sơ qua đường bưu điện hoặc nộp trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh tại địa chỉ: <https://dichvucong.bentre.gov.vn> hoặc Cổng dịch vụ công Quốc gia tại địa chỉ <https://dichvucong.gov.vn/>

3.3 Thành phần hồ sơ:

- Giấy đề nghị cấp (cấp lại) phù hiệu theo mẫu^(*)
- Chứng nhận đăng ký xe ô tô hoặc giấy hẹn nhận chứng nhận đăng ký xe ô tô của cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô (bản sao hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc). Trường hợp phương tiện không thuộc quyền sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải thì xuất trình thêm bản sao hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc một trong các giấy tờ sau: hợp đồng thuê phương tiện bằng văn bản với tổ chức, cá nhân hoặc hợp đồng dịch vụ giữa thành viên và hợp tác xã hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh.

3.4 Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

3.5 Thời gian giải quyết: Thông thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định.

3.6 Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức.

3.7 Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Sở Giao thông vận tải.

^(*) Thành phần hồ sơ số hóa theo nhu cầu quản lý

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Giao thông vận tải.

3.8 Kết quả thực hiện TTHC: Phù hiệu.

3.9 Phí, lệ phí: Không có.

3.10 Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai; mẫu kết quả giải quyết TTHC:

- Giấy đề nghị cấp (cấp lại) phù hiệu;

- Phù hiệu.

3.11 Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

- Đơn vị kinh doanh có Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, bằng xe bốn bánh có gắn động cơ được cấp phù hiệu. Đơn vị kinh doanh có Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, được cấp phù hiệu cho xe ô tô phù hợp với loại hình kinh doanh đã được cấp phép và đảm bảo các nguyên tắc sau:

- Tại một thời điểm, mỗi xe chỉ được cấp và sử dụng một loại phù hiệu tương ứng với một loại hình kinh doanh vận tải;

- Đơn vị kinh doanh vận tải kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định được Sở Giao thông vận tải hai đầu tuyến cấp phù hiệu xe ô tô trung chuyên;

- Phù hiệu được cấp lại khi hết hạn, khi bị mất hoặc bị hư hỏng, khi thay đổi chủ sở hữu phương tiện hoặc thay đổi đơn vị kinh doanh vận tải, khi bị thu hồi.

- Trường hợp cấp lại phù hiệu khi hết hạn: đơn vị kinh doanh vận tải được đề nghị cấp lại phù hiệu trong khoảng thời gian 15 ngày tính đến ngày hết hạn phù hiệu.

- Trường hợp cấp lại khi bị thu hồi: sau khi hết thời hạn bị thu hồi phù hiệu.

3.12 Căn cứ pháp lý của TTHC

Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ.

MẪU GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP (CẤP LẠI) PHÙ HIỆU**TÊN ĐƠN VỊ KDVT:.....****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....

....., ngày tháng năm

GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP (CẤP LẠI) PHÙ HIỆU

Kính gửi:.....(Sở Giao thông vận tải).....

1. Tên đơn vị KDVT:

2. Địa chỉ:.....

3. Số điện thoại (Fax):

Số lượng phù hiệu nộp lại:

Đề nghị được cấp: (1).....

Danh sách xe đề nghị cấp phù hiệu như sau:

TT	Biển kiểm soát	Sức chứa	Nhãn hiệu xe	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Loại phù hiệu (Tuyến CD, HD, DL, taxi, xe tải...)	(*) Xe taxi (sử dụng đồng hồ hoặc sử dụng phần mềm)
1							
2							
...							

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ KDVT*(Ký tên, đóng dấu)***Hướng dẫn cách ghi:**

(1) Ghi số lượng phù hiệu, biển hiệu đơn vị xin cấp.

(*) áp dụng trong trường hợp đơn vị đề nghị cấp phù hiệu xe taxi.

Ghi chú: Trường hợp đơn vị kinh doanh vận tải nộp hồ sơ qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Giao thông vận tải thực hiện kê khai các thông tin trên theo hướng dẫn trên hệ thống dịch vụ công.

Mẫu Phù hiệu xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định
PHÙ HIỆU “XE TUYẾN CỐ ĐỊNH”
Hình ảnh kích thước, màu sắc của phù hiệu “XE TUYẾN CỐ ĐỊNH”



1. Đường viền xung quanh phù hiệu và chữ “XE TUYẾN CỐ ĐỊNH”.
2. Màu sắc của phù hiệu theo bảng mã màu chuẩn CMYK.
 - a) Dùng cho xe tuyến cố định có cự ly trên 300 km:
 - + Mã màu của chữ “XE TUYẾN CỐ ĐỊNH”: C: 0 M: 100 Y: 100 K: 0.
 - + Mã màu đường viền xung quanh: C: 0 M: 100 Y: 100 K: 0.
 - + Mã màu nền: C: 45 M: 0 Y: 65 K: 0.
 - b) Dùng cho xe tuyến cố định có cự ly đến 300 km:
 - + Mã màu của chữ “XE TUYẾN CỐ ĐỊNH”: C: 85 M: 10 Y: 100 K: 0.
 - + Mã màu đường viền xung quanh: C: 85 M: 10 Y: 100 K: 0.
 - + Mã màu nền: C: 45 M: 0 Y: 65 K: 0.
3. Phong chữ “XE TUYẾN CỐ ĐỊNH”: UTM HelvetIns. Phong chữ các nội dung còn lại: Arial.

Mẫu Phù hiệu xe ô tô để vận tải trung chuyển hành khách

PHÙ HIỆU “XE TRUNG CHUYỂN”

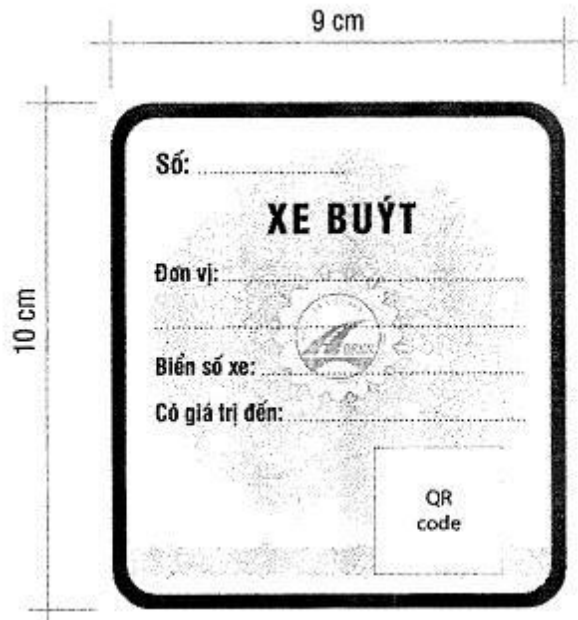
Hình ảnh kích thước, màu sắc của phù hiệu “XE TRUNG CHUYỂN”



1. Đường viền xung quanh phù hiệu và chữ “XE TRUNG CHUYỂN”.
2. Màu sắc của phù hiệu theo bảng mã màu chuẩn CMYK.
 - + Mã màu của chữ “XE TRUNG CHUYỂN”: C: 85 M: 50 Y: 0 K: 0.
 - + Mã màu đường viền xung quanh: C: 85 M: 50 Y: 0 K: 0.
 - + Mã màu nền: C: 45 M: 0 Y: 65 K: 0.
3. Phong chữ “XE TRUNG CHUYỂN”: UTM HelvetIns. Phong chữ các nội dung còn lại: Arial.

Mẫu Phù hiệu xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt

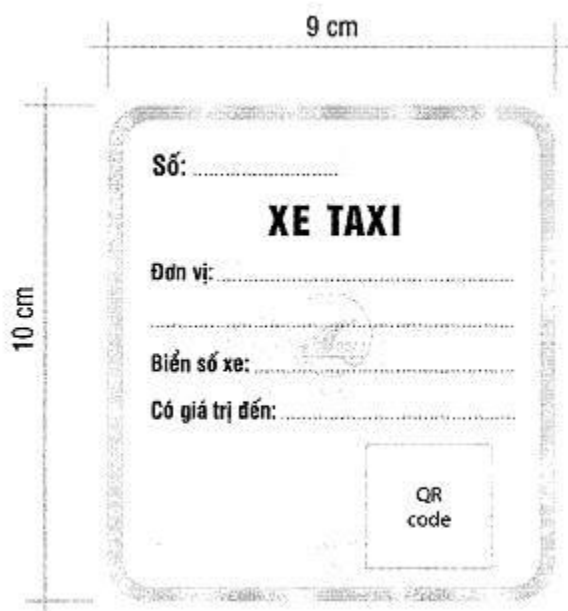
PHÙ HIỆU “XE BUÝT”
Hình ảnh kích thước, màu sắc của phù hiệu “XE BUÝT”



1. Đường viền xung quanh phù hiệu và chữ “XE BUÝT”.
2. Màu sắc của phù hiệu theo bảng mã màu chuẩn CMYK.
 - + Mã màu của chữ “XE BUÝT”: C: 85 M: 10 Y: 100 K: 0.
 - + Mã màu đường viền xung quanh: C: 85 M: 10 Y: 100 K: 0.
 - + Mã màu nền: C: 45 M: 0 Y: 65 K: 0.
3. Phong chữ “XE BUÝT”: UTM HelvetIns. Phong chữ các nội dung còn lại: Arial.

Mẫu Phù hiệu xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách bằng taxi

PHÙ HIỆU “XE TAXI” Hình ảnh kích thước, màu sắc của phù hiệu “XE TAXI”



1. Đường viền xung quanh phù hiệu và chữ “XE TAXI”.
 2. Màu sắc của phù hiệu theo bảng mã màu chuẩn CMYK.
 - + Mã màu của chữ “XE TAXI”: C: 0 M: 100 Y: 100 K: 0.
 - + Mã màu đường viền xung quanh: C: 0 M: 0 Y: 80 K: 0.
 - + Mã màu nền: C: 0 M: 0 Y: 80 K: 0.
 3. Phong chữ “XE TAXI”: UTM HelvetIns. Phong chữ các nội dung còn lại: Arial.
- * Ghi chú:
- Sở Giao thông vận tải đóng dấu treo vào mặt sau của Phù hiệu, biển hiệu do đơn vị mình cấp.

Mẫu Phù hiệu xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng

PHÙ HIỆU “XE HỢP ĐỒNG”

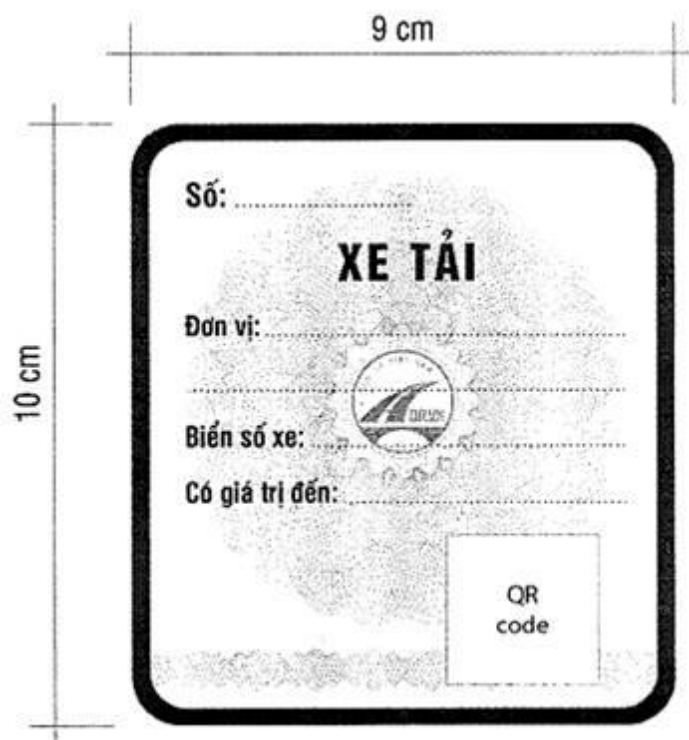
Hình ảnh kích thước, màu sắc của phù hiệu “XE HỢP ĐỒNG”



1. Đường viền xung quanh phù hiệu và chữ “XE HỢP ĐỒNG”.
2. Màu sắc của phù hiệu theo bảng mã màu chuẩn CMYK.
 - a) Dùng cho xe hợp đồng có cự ly đến 300 km:
 - + Mã màu của chữ “XE HỢP ĐỒNG”: C: 100 M: 0 Y: 100 K: 50.
 - + Mã màu đường viền xung quanh: C: 100 M: 0 Y: 100 K: 50.
 - + Mã màu nền: C: 40 M: 0 Y: 60 K: 0.
 - b) Dùng cho xe tuyến cố định có cự ly trên 300 km:
 - + Mã màu của chữ “XE HỢP ĐỒNG”: C: 0 M: 75 Y: 100 K: 0.
 - + Mã màu đường viền xung quanh: C: 0 M: 75 Y: 100 K: 0.
 - + Mã màu nền: C: 0 M: 25 Y: 45 K: 0.
3. Phong chữ “XE HỢP ĐỒNG”: UTM HelvetIns. Phong chữ các nội dung còn lại: Arial.

Mẫu Phù hiệu xe ô tô đầu kéo kéo rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc kinh doanh vận tải hàng hóa, xe ô tô tải kinh doanh vận tải hàng hóa thông thường và xe taxi tải

Hình ảnh kích thước, màu sắc của phù hiệu “XE TẢI”

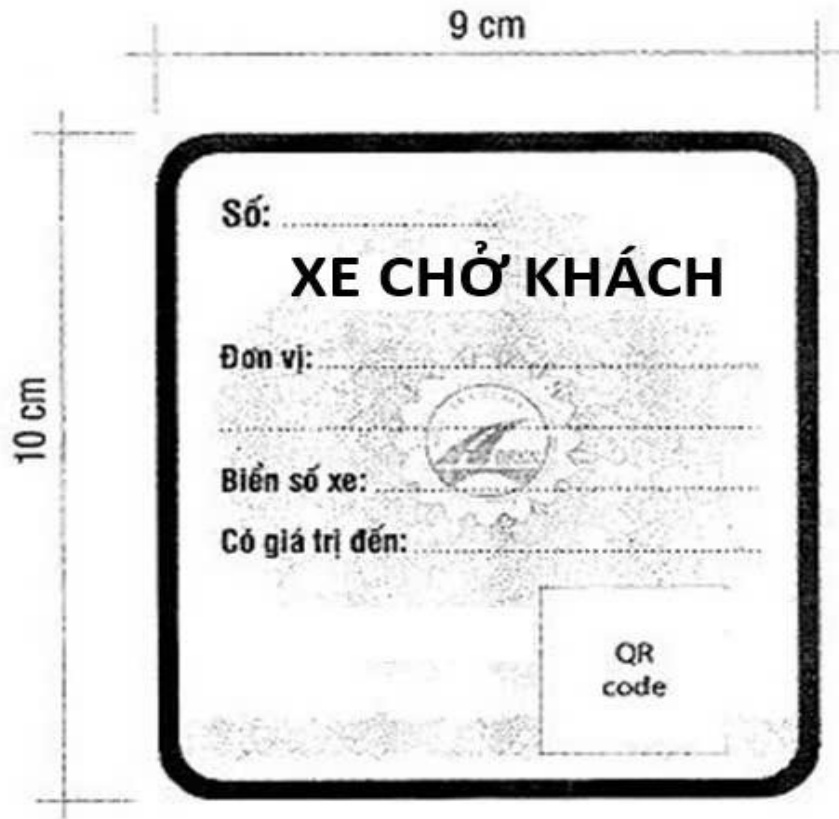


1. Đường viền xung quanh phù hiệu và chữ “XE TẢI”.
2. Màu sắc của phù hiệu theo bảng mã màu chuẩn CMYK.
 - + Mã màu của chữ “XE TẢI”: C: 85 M: 10 Y: 100 K: 0.
 - + Mã màu đường viền xung quanh: C: 85 M: 10 Y: 100 K: 0.
 - + Mã màu nền: C: 55 M: 0 Y: 0 K: 0.
3. Phong chữ “XE TẢI”: UTM Helvetlns. Phong chữ các nội dung còn lại: Arial.

Mẫu Phù hiệu kinh doanh vận tải hành khách bằng xe bốn bánh có gắn động cơ

PHÙ HIỆU “XE CHỖ KHÁCH”

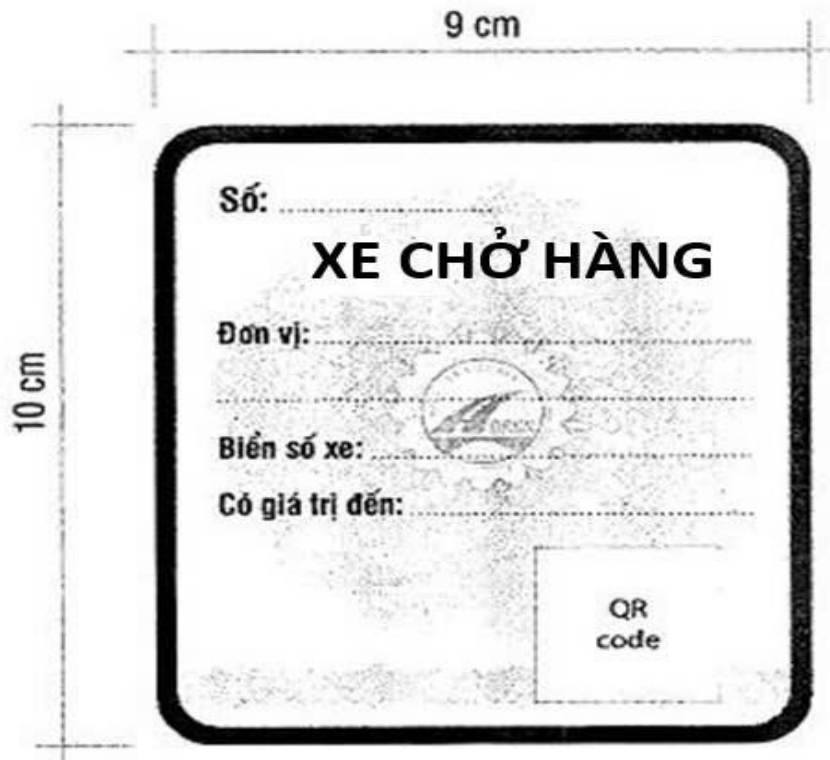
Hình ảnh kích thước, màu sắc của phù hiệu “XE CHỖ KHÁCH”



1. Đường viền xung quanh phù hiệu và chữ “XE CHỖ KHÁCH”.
2. Màu sắc của phù hiệu theo bảng mã màu chuẩn CMYK.
 - + Mã màu của chữ “XE CHỖ KHÁCH”: C: 85 M: 10 Y: 100 K: 0.
 - + Mã màu đường viền xung quanh: C: 85 M: 10 Y: 100 K: 0.
 - + Mã màu nền: C: 45 M: 0 Y: 65 K: 0.
3. Phong chữ “XE CHỖ KHÁCH”: UTM Helvetlns. Phong chữ các nội dung còn lại: Arial.

**Mẫu Phù hiệu kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe bốn bánh có gắn động cơ
PHÙ HIỆU “XE CHỞ HÀNG”**

Hình ảnh kích thước, màu sắc của phù hiệu “XE CHỞ HÀNG”



1. Đường viền xung quanh phù hiệu và chữ “XE CHỞ HÀNG”.
2. Màu sắc của phù hiệu theo bảng mã màu chuẩn CMYK.
 - + Mã màu của chữ “XE CHỞ HÀNG”: C: 85 M: 10 Y: 100 K: 0.
 - + Mã màu đường viền xung quanh: C: 85 M: 10 Y: 100 K: 0.
 - + Mã màu nền: C: 45 M: 0 Y: 65 K: 0.
3. Phong chữ “XE CHỞ HÀNG”: UTM HelvetIns. Phong chữ các nội dung còn lại: Arial.

4. Thủ tục: Đăng ký khai thác tuyến, bổ sung hoặc thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia (Mã số: 1.002268 - Dịch vụ công trực tuyến toàn trình)

4.1 Trình tự thực hiện

Bước 1. Nộp hồ sơ TTHC:

Đơn vị kinh doanh vận tải nộp hồ sơ đề nghị Đăng ký khai thác tuyến, bổ sung hoặc thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (địa chỉ: Số 126A, Nguyễn Thị Định, phường Phú Tân, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre) hoặc qua đường bưu điện. Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Từ thứ Hai đến thứ Sáu hàng tuần vào giờ hành chính (sáng 07 giờ đến 11 giờ, chiều 13 giờ đến 17 giờ) (trừ ngày lễ, tết) hoặc nộp trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh tại địa chỉ <https://dichvucong.bentre.gov.vn> hoặc Cổng dịch vụ công Quốc gia tại địa chỉ <https://dichvucong.gov.vn/>.

Bước 2. Nhận hồ sơ TTHC:

- Công chức làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ:

+ Nếu hồ sơ đầy đủ thì cấp giấy biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả theo thời gian quy định, cán bộ tiếp nhận cập nhật thông tin vào hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Sở Giao thông vận tải. Nếu cá nhân có yêu cầu cơ quan giải quyết TTHC trả kết quả qua hệ thống bưu chính công ích thì đăng ký tại bước này (tổ chức, cá nhân thanh toán cước phí bưu điện theo quy định);

+ Nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì trả lại ngay và hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện lại hồ sơ.

- Chuyển hồ sơ về Phòng Quản lý vận tải, phương tiện và người lái thuộc Sở Giao thông vận tải giải quyết theo thẩm quyền.

Bước 3. Giải quyết hồ sơ TTHC:

- Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, Sở Giao thông vận tải thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản hoặc thông báo qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến cho đơn vị kinh doanh vận tải trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ;

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, Sở Giao thông vận tải có văn bản thông báo khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia và xác nhận vào hợp đồng đối tác của đơn vị kinh doanh vận tải. Trường hợp không cấp, Sở Giao thông vận tải thông báo bằng văn bản hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến và nêu rõ lý do.

Bước 4. Trả kết quả: Đến hẹn, cá nhân mang phiếu hẹn đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre (trong giờ hành chính) để nhận kết quả hoặc nhận kết quả trực tuyến hoặc nhận kết quả qua đường Bưu điện (nếu có nhu cầu).

4.2 Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre (số 126A, Nguyễn Thị Định, phường Phú Tân, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre) hoặc gửi hồ sơ qua đường bưu điện hoặc nộp trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh tại địa chỉ: <https://dichvucong.bentre.gov.vn> hoặc Cổng dịch vụ công Quốc gia tại địa chỉ <https://dichvucong.gov.vn/>

4.3 Thành phần hồ sơ:

- Giấy đề nghị đăng ký khai thác tuyến, bổ sung hoặc thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia theo mẫu^(*)

- Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô hoặc giấy hẹn nhận giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô của cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô (Bản sao hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc). Trường hợp phương tiện không thuộc quyền sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải phải xuất trình thêm bản sao hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc một trong các giấy tờ sau: Hợp đồng thuê phương tiện bằng văn bản với tổ chức, cá nhân hoặc hợp đồng dịch vụ giữa thành viên và hợp tác xã hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh hoặc hợp đồng cho thuê tài chính (đối với trường hợp cho thuê tài chính);

- Phương án khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia theo mẫu^(*);

- Hợp đồng đối tác giữa đơn vị kinh doanh vận tải Việt Nam với đối tác của Lào và/hoặc Campuchia (Bản sao hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc bản chính để đối chiếu)^(*).

4.4 Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

4.5 Thời gian giải quyết: Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.

4.6 Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức.

4.7 Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Sở Giao thông vận tải.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Giao thông vận tải.

4.8 Kết quả thực hiện TTHC:

Thông báo khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia.

4.9 Phí, lệ phí: Không có.

^(*) Thành phần hồ sơ số hóa theo nhu cầu quản lý

4.10 Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai; mẫu kết quả giải quyết TTHC:

- Giấy đăng ký khai thác tuyến, bổ sung, thay thế phương tiện vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia;
- Phương án khai thác tuyến vận tải hành khách cố định bằng xe ô tô giữa Việt Nam, Lào và Campuchia.
- Thông báo khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia.

4.11 Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

Đơn vị kinh doanh vận tải đáp ứng điều kiện theo quy định hiện hành được đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia.

4.12 Căn cứ pháp lý của TTHC

Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ.

Mẫu Giấy đăng ký khai thác tuyến, bổ sung, thay thế phương tiện vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia

**TÊN ĐƠN VỊ KINH DOANH
VẬN TẢI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...../.....

....., ngày ... tháng ... năm ...

GIẤY ĐĂNG KÝ KHAI THÁC TUYẾN, BỔ SUNG, THAY THẾ PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH CỐ ĐỊNH GIỮA VIỆT NAM, LÀO VÀ CAMPUCHIA

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải

1. Tên doanh nghiệp, hợp tác xã:
2. Địa chỉ:
3. Số điện thoại: số Fax:
4. Đăng ký khai thác tuyến, bổ sung, thay thế phương tiện vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia như sau:
 Tỉnh/thành phố đi: Tỉnh/thành phố đến:
 Bến đi: Bến đến:
 Cự ly vận chuyên: km
 Hành trình chạy xe:
5. Danh sách xe khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia

STT	Biên kiểm soát	Tên chủ sở hữu	Mác xe	Trọng tải	Năm sản xuất

6. Doanh nghiệp, hợp tác xã cam kết:
 - a) Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của nội dung Giấy đăng ký khai thác vận tải hành khách cố định;
 - b) Chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam cũng như những quy định, ghi trong Bản ghi nhớ giữa Chính phủ các nước Vương quốc Campuchia, Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào và Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về vận tải đường bộ.

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu Phương án khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia

**TÊN ĐƠN VỊ KINH DOANH
VẬN TẢI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

PHƯƠNG ÁN KHAI THÁC TUYẾN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH CỐ ĐỊNH GIỮA VIỆT NAM, LÀO VÀ CAMPUCHIA

1. Đặc điểm tuyến

Tên Tuyến: đi và ngược lại.

Bến đi:

Bến đến:

Cự ly vận chuyển: km.

Lộ trình:

2. Biểu đồ chạy xe

Số chuyến tài (nốt) trong ngày/tuần/tháng.

a) Tại bến lượt đi: bến xe:

Hàng ngày có nốt (tài) xuất bến như sau:

+ Tài (nốt) 1 xuất bến lúc giờ.

+ Tài (nốt) 2 xuất bến lúc giờ.

+

b) Tại bến lượt về: bến xe:

Hàng ngày có nốt (tài) xuất bến như sau:

+ Tài (nốt) 1 xuất bến lúc giờ.

+ Tài (nốt) 2 xuất bến lúc giờ.

+

c) Thời gian thực hiện một hành trình chạy xe giờ.

d) Tốc độ lữ hành: km/giờ.

đ) Thời gian dừng nghỉ dọc đường: phút.

3. Các điểm dừng nghỉ trên đường

a) Lượt đi từ Bến xe: đến Bến xe:

(Yêu cầu ghi rõ lý trình các chuyến xe sẽ dừng, nghỉ tại các trạm dừng nghỉ hoặc các nhà hàng được quy định trên tuyến quốc lộ và tỉnh lộ theo đúng quy định pháp luật của nước sở tại).

- Điểm dừng thứ nhất:

- Điểm dừng thứ hai:

- Điểm dừng thứ ba:

b) Lượt về từ Bến xe đến Bến xe:

(Yêu cầu ghi rõ lý trình các chuyến xe sẽ dừng, nghỉ tại các trạm dừng nghỉ hoặc các nhà hàng được quy định trên tuyến Quốc lộ và tỉnh lộ theo đúng quy định pháp luật của nước sở tại).

- Điểm dừng thứ nhất:

- Điểm dừng thứ hai:

- Điểm dừng thứ ba:

c) Thời gian dừng, nghỉ từ đến phút/điểm.

4. Phương tiện bố trí trên tuyến

STT	Biển số xe	Trọng tải (Ghế)	Năm sản xuất	Nhãn hiệu	Ghi chú
1	2	3	4	5	6
1					
2					
3					

5. Lái xe, nhân viên phục vụ trên xe

a) Số lượng:

b) Điều kiện của lái xe:

- Có bằng lái xe phù hợp với xe điều khiển.
- Có đủ điều kiện về sức khỏe, đảm bảo an toàn giao thông đường bộ.
- Có hợp đồng lao động bằng văn bản với đơn vị.
- Lái xe, nhân viên phục vụ trên xe mặc đồng phục, mang bảng tên.

-

-

c) Điều kiện của nhân viên phục vụ trên xe

-

6. Các dịch vụ khác

a) Dịch vụ chung chạy xe trên tuyến:

b) Dịch vụ đối với những xe chất lượng cao:

7. Giá vé

a) Giá vé:

- Giá vé suốt tuyến: đồng/hành khách.

- Giá vé chặng (nếu có): đồng/hành khách.

Giá vé	đồng/hành khách
Trong đó:	
- Giá vé (*)	đồng/hành khách
- Chi phí các bữa ăn chính	đồng/hành khách
- Chi phí các bữa ăn phụ	đồng/hành khách
- Phục vụ khác: khăn, nước ...	đồng/hành khách

(*) Giá vé đã bao gồm bảo hiểm hành khách, phí cầu phà và các dịch vụ bến bãi.

b) Hình thức bán vé

- Bán vé tại quầy ở bến xe:

- Bán vé tại đại lý: (ghi rõ tên đại lý, địa chỉ, điện thoại).

- Bán vé qua mạng:

(địa chỉ trang web).

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu Thông báo khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH...
SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:../SGTVT-VT

....., ngày... tháng... năm...

**THÔNG BÁO
KHAİ THÁC TUYẾN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH
CỐ ĐỊNH GIỮA VIỆT NAM, LÀO VÀ CAMPUCHIA**

**Tuyến:..... đi..... và ngược lại
Giữa: Bến xe..... và Bến xe.....**

Kính gửi:.....

Sở Giao thông vận tải..... nhận được công văn số..... ngày... tháng.... năm... và hồ sơ kèm theo của..... về việc đăng ký khai thác vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia;

Thực hiện Điều Nghị định số/2024/NĐ-CP ngày của Chính phủ quy định trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới, Sở Giao thông vận tải..... thông báo như sau:

Thông báo cho phép..... được khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia.

Tên tuyến:..... đi..... và ngược lại

Bến đi: Bến xe..... (tên tỉnh đi).

Bến đến: Bến xe..... (tên tỉnh đến).

Hành trình:..... cửa khẩu đi/cửa khẩu đến

Số xe tham gia khai thác:

Thời hạn tham gia khai thác: Theo thời hạn quy định của Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam, Lào và Campuchia.

Trong thời gian 60 ngày, kể từ ngày ký văn bản này, doanh nghiệp (hợp tác xã) phải đưa phương tiện vào triển khai thực hiện, doanh nghiệp (hợp tác xã) phải ký hợp đồng khai thác với bến xe hai đầu tuyến, báo cáo về Sở Giao thông vận tải..... Quá thời hạn nêu trên, văn bản thông báo không còn hiệu lực.

Nơi nhận:

- Như trên;
-
- Lưu:...

GIÁM ĐỐC
(Ký tên, đóng dấu)

5. Thủ tục: Cấp, cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào (Mã số: 1.002861 - Dịch vụ công trực tuyến toàn trình)

5.1 Trình tự thực hiện

Bước 1. Nộp hồ sơ TTHC:

Đơn vị kinh doanh vận tải nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (địa chỉ: Số 126A, Nguyễn Thị Định, phường Phú Tân, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre) hoặc qua đường bưu điện. Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Từ thứ Hai đến thứ Sáu hàng tuần vào giờ hành chính (sáng 07 giờ đến 11 giờ, chiều 13 giờ đến 17 giờ) (trừ ngày lễ, tết) hoặc nộp trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh tại địa chỉ <https://dichvucong.bentre.gov.vn> hoặc Cổng dịch vụ công Quốc gia tại địa chỉ <https://dichvucong.gov.vn/>.

Bước 2. Nhận hồ sơ TTHC:

- Công chức làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ:

+ Nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì trả lại ngay và hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện lại hồ sơ.

+ Nếu hồ sơ đầy đủ thì cấp giấy biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả theo thời gian quy định. Cán bộ tiếp nhận hồ sơ cập nhật thông tin hồ sơ vào hệ thống dịch vụ công trực tuyến của cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép. Nếu cá nhân có yêu cầu cơ quan giải quyết TTHC trả kết quả qua hệ thống bưu chính công ích thì đăng ký tại bước này (tổ chức, cá nhân thanh toán cước phí bưu điện theo quy định);

- Chuyển hồ sơ về Phòng Quản lý vận tải, phương tiện và người lái thuộc Sở Giao thông vận tải giải quyết theo thẩm quyền.

Bước 3. Giải quyết hồ sơ TTHC:

- Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, Sở Giao thông vận tải thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến cho đơn vị kinh doanh vận tải trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ;

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, Sở Giao thông vận tải thực hiện cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào. Trường hợp không cấp, Sở Giao thông vận tải thông báo bằng văn bản hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến và nêu rõ lý do.

Bước 4. Trả kết quả: Đến hẹn, cá nhân mang phiếu hẹn đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre (trong giờ hành chính) để nhận kết quả hoặc nhận kết quả trực tuyến hoặc nhận kết quả qua đường Bưu điện (nếu có nhu cầu).

5.2 Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre (số 126A, Nguyễn Thị Định, phường Phú Tân, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre) hoặc gửi hồ sơ qua đường bưu điện hoặc nộp trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh tại địa chỉ: <https://dichvucong.bentre.gov.vn> hoặc Cổng dịch vụ công Quốc gia tại địa chỉ <https://dichvucong.gov.vn/>

5.3 Thành phần hồ sơ:

- Giấy đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào theo mẫu^(*)
- Phương án kinh doanh vận tải theo mẫu.

5.4 Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

5.5 Thời gian giải quyết: Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.

5.6 Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức.**5.7 Cơ quan thực hiện TTHC:**

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Sở Giao thông vận tải.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Giao thông vận tải.

5.8 Kết quả thực hiện TTHC:

Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào.

5.9 Phí, lệ phí: Không có.**5.10 Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai; mẫu kết quả giải quyết TTHC:**

- Giấy đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào;
- Phương án kinh doanh vận tải.
- Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào

5.11 Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

- Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào cấp cho đơn vị kinh doanh vận tải của Việt Nam đáp ứng quy định tại Điều 19 Nghị định thực hiện Hiệp định tạo điều kiện thuận lợi cho phương tiện cơ giới đường bộ qua lại biên giới giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào.

- Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào được cấp lại trong trường hợp bị hư hỏng, bị mất.

5.12 Căn cứ pháp lý của TTHC

Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ.

^(*) Thành phần hồ sơ số hóa theo nhu cầu quản lý

Mẫu Giấy đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào

TÊN ĐƠN VỊ KINH DOANH VẬN TẢI ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ
CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP VẬN TẢI ĐƯỜNG BỘ QUỐC TẾ
GIỮA VIỆT NAM VÀ LÀO

Kính gửi:

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải:
2. Địa chỉ:
3. Số điện thoại: Số Fax/Địa chỉ email:
4. Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô số:..... ngày cấp:
5. Đề nghị cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào như sau:

- Loại hình hoạt động (ghi rõ một hoặc một số loại hình đề nghị cấp, gồm: vận tải hành khách cố định; vận tải hành khách theo hợp đồng; vận tải khách du lịch bằng xe ô tô; vận tải hàng hóa bằng xe ô tô):

.....
.....
.....
.....

- Loại hình đề nghị cấp (ghi rõ cấp mới hoặc cấp lại, trường hợp đề nghị cấp lại do bị mất, nêu rõ lý do):

.....
.....

..., ngày ... tháng... năm...
Đơn vị kinh doanh vận tải
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu Phương án kinh doanh vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào
TÊN ĐƠN VỊ KINH DOANH VẬN TẢI CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
 Số:/.....

PHƯƠNG ÁN
KINH DOANH VẬN TẢI ĐƯỜNG BỘ QUỐC TẾ GIỮA VIỆT NAM VÀ LÀO

I. TỔ CHỨC QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG VẬN TẢI CỦA ĐƠN VỊ KINH DOANH VẬN TẢI

- Cơ cấu tổ chức: mô hình, chức năng, nhiệm vụ các phòng, ban.
- Người điều hành hoạt động vận tải: họ tên, trình độ chuyên ngành.
- Phương án tổ chức bộ phận quản lý, theo dõi các điều kiện về an toàn giao thông của đơn vị vận tải (áp dụng đối với doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải hành khách cố định, vận tải hàng hóa bằng công-ten-nơ).
- Công tác lắp đặt, theo dõi, sử dụng dữ liệu từ thiết bị giám sát hành trình; trang bị máy tính, đường truyền kết nối mạng.

II. PHƯƠNG ÁN KINH DOANH VẬN TẢI CỦA ĐƠN VỊ KINH DOANH VẬN TẢI

1. Phương án kinh doanh vận tải hành khách.

a) Kinh doanh vận tải hành khách cố định.

- Tuyên khai thác, số chuyến, hình thức triển khai bán vé.
- Phương tiện: số lượng, chất lượng phương tiện, gắn thiết bị giám sát hành trình.
- Lái xe, nhân viên phục vụ trên xe: số lượng, hạng Giấy phép lái xe, tập huấn nghiệp vụ, thâm niên của lái xe khách có giường nằm hai tầng.
- Đồng phục của lái xe, nhân viên phục vụ trên xe.
- Nơi đỗ xe của đơn vị vận tải: địa điểm, diện tích.
- Chế độ bảo dưỡng và sửa chữa phương tiện.
- Giá cước: thực hiện các quy định có liên quan.

b) Phương án kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng và vận tải du lịch.

- Phương tiện: số lượng, chất lượng, gắn thiết bị giám sát hành trình.
- Lái xe, nhân viên phục vụ trên xe: số lượng, hạng Giấy phép lái xe, tập huấn nghiệp vụ.
- Đồng phục của lái xe, nhân viên phục vụ trên xe.
- Nơi đỗ xe của đơn vị vận tải: địa điểm, diện tích.
- Các dịch vụ phục vụ hành khách đi xe.
- Chế độ bảo dưỡng và sửa chữa phương tiện.
- Giá cước: thực hiện các quy định có liên quan.

2. Phương án kinh doanh vận tải hàng hóa

- Loại hình kinh doanh vận tải (ghi rõ hình thức kinh doanh vận tải như: Vận tải hàng hóa bằng công-ten-nơ, vận tải hàng hóa thông thường...).
- Phương tiện: số lượng, chất lượng, việc gắn thiết bị giám sát hành trình.
- Chế độ bảo dưỡng và sửa chữa phương tiện.
- Lái xe: số lượng, hạng Giấy phép lái xe, chế độ tập huấn nghiệp vụ.
- Nơi đỗ xe của đơn vị vận tải: địa điểm, diện tích.

Đơn vị kinh doanh vận tải
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
PEOPLE'S COMMITTEE OF ... PROVINCE
SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI
DEPARTMENT OF TRANSPORT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Independence - Freedom - Happiness

GIẤY PHÉP VẬN TẢI ĐƯỜNG BỘ QUỐC TẾ GIỮA VIỆT NAM VÀ LÀO
VIỆT NAM - LAOS CROSS-BORDER TRANSPORT PERMIT

Số Giấy phép (Permit Number):

1. Cấp cho đơn vị (Transport Operator Name):

.....

2. Địa chỉ (Address):

.....

3. Số điện thoại (Telephone number):

.....

4. Loại hình hoạt động vận tải (Type of Transport operation):

.....

....., ngày ... tháng ... năm ...
Place,(dd/mm/yyyy)

CƠ QUAN CẤP PHÉP

Issuing authority

(Ký tên, đóng dấu)

(Signature and stamp)

6. Thủ tục: Cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào (Mã số: 1.002856 - Dịch vụ công trực tuyến toàn trình)

6.1 Trình tự thực hiện

Bước 1. Nộp hồ sơ TTHC:

- Các cơ quan, tổ chức, cá nhân, đơn vị kinh doanh vận tải trên địa bàn tỉnh Bến Tre nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (địa chỉ: Số 126A, Nguyễn Thị Định, phường Phú Tân, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre) hoặc qua đường bưu điện. Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Từ thứ Hai đến thứ Sáu hàng tuần vào giờ hành chính (sáng 07 giờ đến 11 giờ, chiều 13 giờ đến 17 giờ) (trừ ngày lễ, tết) hoặc nộp trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh tại địa chỉ <https://dichvucong.bentre.gov.vn> hoặc Cổng dịch vụ công Quốc gia tại địa chỉ <https://dichvucong.gov.vn/>.

- Sở Giao thông vận tải địa phương nơi có cửa khẩu biên giới giáp với Lào cấp giấy phép cho phương tiện phi thương mại của các tổ chức, cá nhân đóng trên địa bàn các tỉnh khác của Việt Nam đi qua cửa khẩu tại địa phương mình quản lý

Bước 2. Nhận hồ sơ TTHC:

- Công chức làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ:

+ Nếu hồ sơ đầy đủ thì cấp giấy biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả theo thời gian quy định, cán bộ tiếp nhận hồ sơ cập nhật thông tin vào hệ thống dịch vụ công trực tuyến. Nếu cá nhân có yêu cầu cơ quan giải quyết TTHC trả kết quả qua hệ thống bưu chính công ích thì đăng ký tại bước này (tổ chức, cá nhân thanh toán cước phí bưu điện theo quy định);

+ Nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì trả lại ngay và hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện lại hồ sơ.

- Chuyển hồ sơ về Phòng Quản lý vận tải, phương tiện và người lái thuộc Sở Giao thông vận tải giải quyết theo thẩm quyền.

Bước 3. Giải quyết hồ sơ TTHC:

- Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, Sở Giao thông vận tải thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản hoặc thông báo qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến cho tổ chức, cá nhân, đơn vị kinh doanh vận tải nộp hồ sơ trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ;

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, Sở Giao thông vận tải thực hiện cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào. Trường hợp không cấp, Sở Giao thông vận tải thông báo bằng văn bản hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến và nêu rõ lý do.

Bước 4. Trả kết quả: Đến hẹn, cá nhân mang phiếu hẹn đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre (trong giờ hành chính) để nhận kết quả hoặc nhận kết quả trực tuyến hoặc nhận kết quả qua đường Bưu điện.

6.2 Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre (số 126A, Nguyễn Thị Định, phường Phú Tân, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre) hoặc gửi hồ sơ qua đường bưu điện hoặc nộp trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh tại địa chỉ: <https://dichvucong.bentre.gov.vn> hoặc Cổng dịch vụ công Quốc gia tại địa chỉ <https://dichvucong.gov.vn/>.

6.3 Thành phần hồ sơ:

* Trường hợp cấp; cấp lại khi Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào hết thời hạn sử dụng hoặc còn thời hạn sử dụng nhưng hết trang đóng dấu xác nhận của các cơ quan quản lý tại cửa khẩu

- Đối với phương tiện thương mại gồm:

+ Giấy đề nghị cấp, cấp lại giấy phép theo mẫu^(*).

+ Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô hoặc giấy hẹn nhận giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô của cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô (Bản sao hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc). Trường hợp phương tiện không thuộc quyền sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải phải xuất trình thêm bản sao hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc một trong các giấy tờ sau: Hợp đồng thuê phương tiện bằng văn bản với tổ chức, cá nhân hoặc hợp đồng dịch vụ giữa thành viên và hợp tác xã hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh hoặc hợp đồng cho thuê tài chính (đối với trường hợp cho thuê tài chính)^(*);

- Đối với phương tiện phi thương mại và phương tiện phục vụ các công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trên lãnh thổ Lào:

+ Giấy đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép theo mẫu^(*);

+ Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô hoặc giấy hẹn nhận Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô của cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô (Bản sao hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc). Trường hợp phương tiện không thuộc quyền sở hữu của tổ chức, phải xuất trình thêm bản sao hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc hợp đồng thuê phương tiện^(*);

+ Bản sao hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc quyết định cử đi công tác của cơ quan có thẩm quyền (đối với trường hợp xe công vụ và xe của các cơ quan ngoại giao, tổ chức quốc tế đi công tác);

+ Bản sao hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc hợp đồng hoặc tài liệu chứng minh đơn vị đang thực hiện công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh trên lãnh thổ Lào (đối với đơn vị kinh doanh vận tải phục vụ các công trình, dự án hoặc hoạt

^(*) Thành phần hồ sơ số hóa theo nhu cầu quản lý

động kinh doanh trên lãnh thổ Lào); bản sao hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc bản chính để đối chiếu bản dịch Hợp đồng ra tiếng Việt được chứng thực hoặc chứng nhận bởi cơ quan Công chứng đối với trường hợp hợp đồng bằng tiếng nước ngoài.

* Trường hợp cấp; cấp lại khi Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và bị hư hỏng, bị mất

Giấy đề nghị cấp, cấp lại giấy phép theo mẫu^(*).

6.4 Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

6.5 Thời gian giải quyết: Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.

6.6 Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.

6.7 Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Sở Giao thông vận tải.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Giao thông vận tải.

6.8 Kết quả thực hiện TTHC:

Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào.

6.9 Phí, lệ phí: Không có.

6.10 Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai; mẫu kết quả giải quyết TTHC:

- Giấy đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào cho phương tiện thương mại;

- Giấy đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào cho phương tiện phi thương mại và phương tiện phục vụ các công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp tại Lào.

- Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào.

6.11 Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

- Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào được cấp cho phương tiện của các tổ chức, cá nhân đáp ứng các điều kiện theo quy định pháp luật về hoạt động vận tải đường bộ giữa Việt Nam và Lào và các quy định của Nghị định thực hiện Hiệp định tạo điều kiện thuận lợi cho phương tiện cơ giới đường bộ qua lại biên giới giữa Việt Nam và Lào.

- Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào hết thời hạn sử dụng hoặc còn thời hạn sử dụng nhưng hết trang đóng dấu xác nhận của các cơ quan quản lý tại cửa khẩu hoặc bị hư hỏng, bị mất.

6.12 Căn cứ pháp lý của TTHC

Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ.

^(*) Thành phần hồ sơ số hóa theo nhu cầu quản lý

Mẫu Giấy đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào cho phương tiện thương mại

**TÊN ĐƠN VỊ KINH DOANH
VẬN TẢI ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**GIẤY ĐỀ NGHỊ
CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP LIÊN VẬN GIỮA
VIỆT NAM VÀ LÀO CHO PHƯƠNG TIỆN THƯƠNG MẠI**

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải tỉnh Bến Tre

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải:
2. Địa chỉ:
3. Số điện thoại: Số Fax/Địa chỉ email:
4. Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào số ngày cấp
5. Đề nghị Sở Giao thông vận tải tỉnh Bến Tre cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào cho các phương tiện vận tải sau:

Số TT	Biển số xe	Trọng tải (ghé)	Năm sản xuất	Nhãn hiệu	Số khung	Số máy	Màu sơn	Thời gian đề nghị cấp Giấy phép	Hình thức hoạt động (vận chuyển hàng hóa hay hành khách)	Cửa khẩu xuất - nhập
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1										
2										
3										

Đối với phương tiện thay thế: ghi rõ phương tiện có biển kiểm soát..... thay thế phương tiện có biển kiểm soát

6. Loại hình kinh doanh vận tải:

- a) Hành khách theo tuyến cố định: b) Khách du lịch:
 c) Hành khách theo hợp đồng: d) Vận tải hàng hóa:

Ghi chú: Đối với phương tiện vận chuyển hành khách theo tuyến cố định bổ sung thêm các thông tin sau:

Tuyến: đi và ngược lại

Bến đi: Bến xe (thuộc tỉnh: Việt Nam)

Bến đến: Bến xe (thuộc tỉnh: Lào)

Cự ly vận chuyển:km

Hành trình tuyến đường:

Đã được thông báo khai thác tuyến tại công văn số ngày

..., ngày... tháng ... năm...

Đơn vị kinh doanh vận tải
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu Giấy đề nghị cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào cho phương tiện phi thương mại và phương tiện phục vụ các công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp tại Lào

**TÊN TỔ CHỨC/CÁ NHÂN
ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**GIẤY ĐỀ NGHỊ
CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP LIÊN VẬN GIỮA VIỆT NAM VÀ LÀO CHO
PHƯƠNG TIỆN PHI THƯƠNG MẠI VÀ PHƯƠNG TIỆN PHỤC VỤ CÁC
CÔNG TRÌNH DỰ ÁN HOẶC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA
DOANH NGHIỆP TẠI LÀO**

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải Bến Tre

1. Tên tổ chức/cá nhân:
2. Địa chỉ:
3. Số điện thoại: Số Fax/Địa chỉ email:
4. Đề nghị Sở Giao thông vận tải tỉnh Bến Tre cấp Giấy phép liên vận giữa Việt

Nam và Lào cho phương tiện vận tải sau:

Số TT	Biển số xe	Trọng tải (ghé)	Năm sản xuất	Nhãn hiệu	Số khung	Số máy	Màu sơn	Thời gian đề nghị cấp phép	Hình thức hoạt động (vận chuyển hàng hóa hay hành khách)	Cửa khẩu xuất - nhập
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1										
2										

5. Mục đích chuyến đi

a) Công vụ:

b) Cá nhân:

c) Hoạt động kinh doanh:


d) Mục đích khác:

..., ngày ... tháng ... năm...

Tổ chức/Cá nhân

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

Mẫu số 06 Phụ lục IV: Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào


CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
 SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
 Independence - Freedom - Happiness

GIẤY PHÉP LIÊN VẬN GIỮA VIỆT NAM VÀ LÀO

VIET NAM - LAOS
VEHICLE CROSS - BORDER TRANSPORT PERMIT
 Số Giấy phép (Permit Number):.....

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
Socialist Republic of Viet Nam

Bộ Giao thông vận tải Việt Nam đề nghị các cơ quan hữu quan cho phép phương tiện này đi lại dễ dàng và hỗ trợ khi cần thiết

The Ministry of Transport of Viet Nam requests relevant agencies to allow the vehicles to operate conveniently and to render the vehicle any assistance as necessary

 Mật sau bìa trước/Back side

Thông tin cơ bản về phương tiện
 General data of the vehicle

1. Số đăng ký phương tiện (Registration number)

2. Thông số kỹ thuật (Specifications)

- Năm sản xuất (Manufacture year):

- Nhân hiệu (Brand/Trademark):

- Loại xe (Model):

Xe tải Xe khách Xe khác
 (truck) (Bus) (Others)

- Màu sơn (Colour):

- Số máy (Engine No.):

- Số khung (Chassis No.):

- Trọng tải (Gross weight):

Trang 1

Chi tiết về cơ quan/đơn vị/cá nhân được cấp giấy phép liên vận
 Details of Organization/ individual granted transport permit

Tên cơ quan/đơn vị/cá nhân
 (Organization/individual name):

Địa chỉ (Address):

Điện thoại (Telephone number):

Số Fax (Fax number):

Lĩnh vực hoạt động vận tải (Type of transport operation):

Số giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào (đối với đơn vị kinh doanh vận tải)
 (Viet Nam – Laos Cross-Border Transport Permit number for Transport Operator):

Ngày phát hành (Issuing date):.....

Trang 2

**GHI CHÚ
NOTICES**

**Giấy phép này có giá trị
This permit is valid**

Từ ngày (From)(dd/mm/yyyy)

Đến ngày (until)(dd/mm/yyyy)

Cửa khẩu, Vùng/tuyến hoạt động, Nơi đến
Border gate, Operation areas/routes, Destination

Cửa khẩu (Border gate)

Vùng/tuyến hoạt động (Operation
areas/routes):.....

Nơi đến (Destination):

Ngày cấp (Issuing date):

Cơ quan cấp phép
Issuing Authority
(Signature, stamp)

Trang 3

**GIA HẠN
Extension**

Giấy phép này được gia hạn đến ngày
tháng ... năm

This permit is extended until
(dd/mm/yyyy)

Ngày... tháng ... năm...
date....month....year....

Cơ quan gia hạn
Extending Authority
Ký tên, đóng dấu
(Signature, stamp)

Ghi chú (Notices):

Trang 4

**HẢI QUAN - BIÊN PHÒNG
FOR CUSTOMS - BORDER GUARDS**

HẢI QUAN (CUSTOMS)		BIÊN PHÒNG (BORDER GUARDS)	
Ngày đi Exit date	Ngày về Re-entry date	Ngày đi Exit date	Ngày về Re-entry date

**HẢI QUAN - BIÊN PHÒNG
FOR CUSTOMS - BORDER GUARDS**

HẢI QUAN (CUSTOMS)		BIÊN PHÒNG (BORDER GUARDS)	
Ngày đi Exit date	Ngày về Re-entry date	Ngày đi Exit date	Ngày về Re-entry date

Hướng dẫn (Instruction)

1. Sổ giấy phép này bao gồm 50 trang không bao gồm bìa.

This permit contains 50 pages excluding the covers.

2. Khi giấy phép bị mất hoặc không đọc được vì bất cứ nguyên nhân gì, người giữ giấy phép phải yêu cầu cấp giấy phép mới tại cơ quan có thẩm quyền cấp phép.

When this permit get lost or illegible for any reasons, the holder should request the competent authority to re-issue.

3. Giấy phép này phải xuất trình cho cơ quan có thẩm quyền khi được yêu cầu.

This permit shall be presented to the competent authorities upon request.

4. Giấy phép này chỉ sử dụng cho phương tiện đã được ghi trong giấy và phải được gia hạn trước ngày hết hạn một tháng.

This permit shall be used for the specified vehicle only and shall be extended one month before the expiry date.

Ghi chú (Notices):

Khô giấy rộng: 11 cm, dài 15 cm.
Page size 11 cm x 15 cm.

Bìa màu đỏ dùng để cấp cho tất cả các phương tiện.

Red cover used for all vehicles.

Mẫu phù hiệu liên vận giữa Việt Nam và Lào

Số (Number):.....	
PHÙ HIỆU	
GIẤY PHÉP LIÊN VẬN GIỮA VIỆT NAM VÀ LÀO	
STICKER	
VIET NAM - LAOS VEHICLE CROSS-BORDER TRANSPORT PERMIT	
Đơn vị kinh doanh vận tải (Transport Operator Name)	Cơ quan cấp phép/Issuing Authority (Ký tên, đóng dấu/Signature, Seal)
Số đăng ký (Registration Number):	
Thời hạn (Period of validity): từ (from).....Đến (until).....	

Ghi chú: Kích thước 115 mm x 210 mm, nền trắng chữ đỏ.

Ký hiệu phân biệt quốc gia

Ghi chú: Chữ hoa La-tinh, chữ có chiều cao 80 mm, nét chữ có bề rộng 10 mm, các chữ có màu đen trên một biển nền trắng có dạng hình e-líp với trục chính nằm ngang.